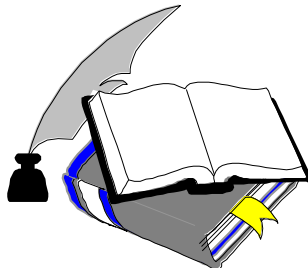


SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NINH BÌNH
TRƯỜNG THPT XUÂN TRƯỜNG B

-----000-----



BẢN MÔ TẢ SÁNG KIẾN

TÊN SÁNG KIẾN

**LỒNG GHÉP DI SẢN VĂN HÓA VIỆT ĐƯỢC UNESCO GHI DANH
ĐỂ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY LỊCH SỬ 10**

Lĩnh vực: Lịch sử /Cấp học THPT

Tác giả: Vũ Thị Diễm

Chức vụ: Giáo viên Lịch sử

Đơn vị công tác: Trường THPT Xuân Trường B

Ninh Bình 05 tháng 05 năm 2026

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ SÁNG KIẾN

1. Tên tác giả

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Nơi công tác	Điện thoại	Tỷ lệ % đóng góp vào việc tạo ra sáng kiến	Chữ ký của tác giả
	Vũ Thị Diễm	08/11/1980	Cử nhân Sư phạm Lịch sử	Giáo viên	THPT Xuân Trường B	0946 581 199	100 %	

1. Tên sáng kiến: Lồng ghép di sản văn hóa Việt được Unesco ghi danh để nâng cao chất lượng giảng dạy Lịch sử 10

2. Lĩnh vực áp dụng sáng kiến (mã)/cấp học: Lịch sử 10 sách Cánh diều THPT
Sáng kiến này có thể được áp dụng rộng rãi trong các hoạt động giáo dục tại trường THPT, cụ thể:

- + Dạy học chính khóa: Áp dụng trực tiếp vào các bài học trong chương trình Lịch sử 10 có nội dung liên quan đến văn hóa, di sản và bảo tồn.
- + Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp: Tổ chức các buổi tham quan ảo (Virtual Tour) hoặc tham quan thực tế tại các điểm di sản.
- + Hoạt động ngoại khóa: Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về di sản (Rung chuông vàng, thiết kế infographic, poster quảng bá di sản).
- + Tích hợp liên môn: Kết hợp với môn Ngữ văn (văn học dân gian), Giáo dục kinh tế và pháp luật (Luật di sản), hoặc Địa lý (phát triển du lịch bền vững).

3. Thời gian áp dụng sáng kiến: Từ 01 - 09 - 2025 đến 20 - 05 - 2026

II. PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Đất nước ta đang bước vào thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hoá, với mục tiêu phấn đấu trở thành nước công nghiệp, hội nhập với cộng đồng quốc tế. Trong bối cảnh đó, đặt ra những yêu cầu mới đối với phẩm chất và năng lực của người lao động, đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện. Để đáp ứng được yêu cầu này, cần phải nâng cao chất lượng giáo dục. Muốn nâng cao chất lượng giáo dục cần phải đổi mới giáo dục, trước hết là đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh, đào tạo ra những công dân ưu tú, phụng sự cho Tổ quốc.

Lịch sử là môn học quan trọng trong chương trình giáo dục phổ thông ở nước ta hiện nay. Giảng dạy Lịch sử cho học sinh là giáo dục tinh thần tự tôn dân tộc, niềm tự hào về truyền thống tốt đẹp của ông cha và giáo dục tình yêu tổ quốc cho học sinh. Bên cạnh đó, dạy Lịch sử cũng là một mắt xích quan trọng trong mục tiêu giáo dục toàn diện của giáo dục nước ta. Trong bối cảnh của sự phát triển khoa học công nghệ hiện đại, đây là vấn đề quan trọng trong các trường trung học phổ thông. Vì thế mỗi môn học ở nhà trường đều phải góp phần vào việc đào tạo thế hệ trẻ trong đó có môn Lịch sử. Những kiến thức lịch sử sẽ khơi dậy cho học sinh tư tưởng, tình cảm và là hành trang cần thiết cho thế hệ trẻ trong điều kiện mở cửa hội nhập với thế giới. Đối với bất cứ quốc gia nào trên thế giới, môn Lịch sử đều có chức năng, vai trò quan trọng trong việc đào tạo năng lực, đào tạo con người, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc và nâng cao sứ mệnh bảo vệ an ninh, chủ quyền quốc gia. Việt Nam - một đất nước theo chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước tần suất phải đương đầu với nạn ngoại xâm dày đặc thì lịch sử càng phải giữ vai trò quan trọng gắn liền với sự tồn vong của quốc gia dân tộc. Không phải ngẫu nhiên mà Hồ Chí Minh mở đầu cuốn “*Lịch sử nước ta*” (1941) đã viết:

“Dân ta phải biết sử ta

Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam...”

Trên thực tế gần đây chương trình GDPT 2018 yêu cầu : Phải gắn kiến thức lịch sử với thực tiễn và văn hóa dân tộc . Phát triển năng lực, phẩm chất, đặc biệt là yêu nước và trách nhiệm bảo tồn di sản. Việt Nam có nhiều di sản văn hóa được UNESCO ghi danh, nhưng SGK đề cập còn khái quát, học sinh chưa hiểu sâu, chưa thấy gần gũi thực tế dạy học, học sinh học lịch sử còn thụ động và thiếu hứng thú

khi bài học chỉ mang tính lý thuyết. Trong bối cảnh đổi mới giáo dục phổ thông theo Chương trình GDPT 2018, môn Lịch sử không còn là việc tái hiện các sự kiện khô khan mà chuyển mạnh sang phát triển năng lực và phẩm chất cho học sinh. Đặc biệt, chương trình Lịch sử 10 đã dành một vị trí quan trọng cho nội dung "Sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa". Tuy nhiên, thực tế giảng dạy tôi thấy :

Về phía nội dung : Các kiến thức về di sản trong sách giáo khoa thường dừng lại ở mức độ khái quát, chưa cập nhật hết các giá trị đặc sắc của các di sản Việt Nam được UNESCO ghi danh.

Về phía học sinh : Một bộ phận không nhỏ học sinh vẫn coi nhẹ các giá trị truyền thống , chưa thấy được mối liên hệ mật thiết giữa kiến thức lịch sử trên lớp với những báu vật văn hóa đang hiện hữu ngay trên đất nước mình. Về yêu cầu hội nhập: Việt Nam sở hữu kho tàng di sản văn hóa đồ sộ được thế giới công nhận. Việc lồng ghép các di sản này vào giảng dạy không chỉ giúp bài học sinh động mà còn là con đường ngắn nhất để bồi dưỡng lòng tự hào dân tộc, ý thức trách nhiệm công dân trong việc bảo vệ di sản trước những tác động của thời đại . Xuất phát từ những lý do trên, tôi lựa chọn đề tài: **"Lồng ghép di sản văn hóa Việt Nam được UNESCO ghi danh để nâng cao chất lượng giảng dạy Lịch sử 10"** nhằm góp phần đổi mới phương pháp và nâng cao hiệu quả giáo dục lịch sử trong nhà trường.

Từ thực trạng trên đòi hỏi các giáo viên phải thay đổi phương pháp dạy và học Lịch sử tạo được hứng thú học tập cho học sinh và làm sinh động bài giảng. Mỗi giáo viên chúng ta đều nhận thấy Lịch sử ngày nay đóng vai trò then chốt trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam, nó không chỉ cung cấp nền tảng kiến thức về quá khứ mà còn là cơ sở để giáo dục lòng yêu nước các giá trị truyền thống và xây dựng bản sắc dân tộc, do đó giáo viên đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong việc truyền tải cho các thế học sinh việc bảo tồn, phát huy, gìn giữ các di sản của dân tộc từ đó giúp thế hệ trẻ hiểu rõ hơn các di tích lịch sử, các câu chuyện về quá trình dựng nước và giữ nước được lưu truyền trong lịch sử, thông qua các di tích giúp thế hệ trẻ hun đúc lòng yêu nước, tự hào về văn hóa lịch sử của cha ông mình, góp phần thúc đẩy phát triển du lịch, văn hóa tạo động lực cho sự phát triển bền vững, tạo vị thế toàn diện của Việt Nam trên trường quốc tế.

2. Bối cảnh của sáng kiến :

2.1. Không gian và thời gian: Sáng kiến được triển khai áp dụng tại các lớp khối 10 trường THPT Xuân Trường B trong các tiết dạy chính khóa và hoạt động ngoại khóa , thực hiện và theo dõi đánh giá trong năm học 2025 - 2026.

2.2. Thực trạng của vấn đề: Qua khảo sát thực tế tại trường THPT Xuân Trường B tôi nhận thấy:

Phương pháp giảng dạy: Đa số giáo viên đã bắt đầu ứng dụng công nghệ thông tin nhưng việc khai thác các nguồn tư liệu số về di sản UNESCO (như phim tư liệu, 3D tour, tư liệu từ Cục Di sản văn hóa) còn hạn chế, chưa tạo được sự bùng nổ về mặt cảm xúc cho người học.

Sự quan tâm của học sinh . Khi được hỏi về các di sản UNESCO tại Việt Nam, nhiều học sinh chỉ gọi tên được một vài địa danh nổi tiếng như Vịnh Hạ Long hay Cố đô Huế, nhưng chưa hiểu được "giá trị nổi bật toàn cầu" hoặc các tiêu chí để một di sản được vinh danh. Điều này dẫn đến việc học sinh tham gia các tiết học về văn hóa còn thụ động, thiếu tính tương tác.

2.3. Tổng quan thông tin cần nghiên cứu: Sáng kiến tập trung nghiên cứu hệ thống các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể và di sản thiên nhiên của Việt Nam đã được UNESCO công nhận. Từ đó, xây dựng các kịch bản sư phạm cụ thể : Lồng ghép vào các bài học cụ thể trong Chương trình Lịch sử 10 bộ sách **Cánh Diều** . Sử dụng các công cụ hỗ trợ hiện đại như sơ đồ tư duy, đóng vai, và các ứng dụng AI trong thiết kế tư liệu học tập . Giải quyết vấn đề khoảng cách giữa "kiến thức trong sách" và "giá trị thực tế của di sản", giúp học sinh không chỉ học Sử để biết mà học Sử để yêu và hành động.

Vậy di sản là gì ? Di sản là tài nguyên tri thức phong phú và vô tận để học tập suốt đời. Di sản ngày càng chứng minh vai trò vô cùng quan trọng trong phát triển, là nguồn lực dồi dào cho tăng trưởng kinh tế và là điểm tựa vững chắc cho đời sống tinh thần, là môi trường nuôi dưỡng và làm giàu bản sắc văn hóa, đa dạng văn hóa, là tài sản có giá trị giáo dục truyền thống, giáo dục nhân cách cho thế hệ trẻ. Trong tất cả các bậc học, việc giáo dục di sản trong nhà trường đã tác động lớn đến học sinh, trong đó, đặc biệt là về tư tưởng, tình cảm. Thông qua đó học sinh sẽ nhận thức giá trị của những di sản xung quanh, từ đó có thái độ, hành vi đúng đắn, có ý thức gìn giữ, bảo tồn và phát huy những giá trị của di sản. Hiện nay, ở các trường phổ thông, việc đưa di sản vào dạy học cũng đã được chú ý đến, nhưng hiệu quả chưa

cao, số lượng các trường học tổ chức được các buổi học trải nghiệm tại nơi có di sản không nhiều. Công tác giáo dục di sản muốn hiệu quả hơn cần có sự chung tay từ nhiều phía và cần có những thay đổi trong việc tiếp cận về giáo dục di sản cho học sinh. Sử dụng di sản để dạy học lịch sử không chỉ giúp học sinh có được những biểu tượng cụ thể, sinh động về lịch sử dân tộc. Hiểu rõ các di sản này, học sinh sẽ hiểu hơn tiến trình lịch sử đang học, càng thêm yêu quê hương, đất nước. Điều đó sẽ góp phần đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực học sinh và hướng tới dạy học gắn liền với thực tiễn.

Hướng dẫn số 73/HD-BGDĐT-BVHTTDL ngày 16/01/2013 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc Sử dụng di sản văn hóa trong dạy học ở trường phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên đã quy định cụ thể về việc lồng ghép nội dung dạy học di sản văn hóa vào các môn học, hoạt động giáo dục trong chương trình giáo dục phổ thông (nội khóa hoặc ngoại khóa), bao gồm những nội dung:

1) Xây dựng kế hoạch và tổ chức dạy học các nội dung liên quan đến di sản và hướng dẫn học sinh tự tìm hiểu, khai thác các nội dung khác của di sản văn hóa thông qua tư liệu, hiện vật.

2) Lựa chọn hình thức tổ chức dạy học phù hợp: dạy học trên lớp hoặc tổ chức các hoạt động ngoại khóa tại nhà trường; dạy học tại nơi có di sản văn hóa; tổ chức tham quan - trải nghiệm di sản văn hóa; dạy học thông qua các phương tiện truyền thông, đa phương tiện...

Hiện nay, Việt Nam có 27 di sản được UNESCO vinh danh với nhiều loại hình phong phú, đa dạng, hấp dẫn, thu hút đông đảo khách du lịch tham quan trong và ngoài nước. Tuy nhiên, sự hiểu biết của học sinh về các di sản còn nhiều hạn chế, điều đó thật đáng lo ngại, bởi các em là những chủ nhân tương lai của đất nước. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa là chiến lược phát triển bền vững quốc gia, là nhiệm vụ chung của toàn xã hội trong đó giáo dục giữ vai trò quan trọng nhất, bằng con đường giáo dục và thông qua giáo dục, các giá trị về vật chất và tinh thần, các kinh nghiệm hoạt động thực tiễn, kinh nghiệm ứng xử, lối sống, ngôn ngữ, phong tục, tập quán... của các dân tộc được lưu truyền, tồn tích, vận hành nối liền các thế hệ. Giáo dục giúp cho học sinh hiểu biết về truyền thống, giá trị di sản văn hóa, tôn trọng, giữ gìn và phát huy văn hóa truyền thống văn hóa của dân tộc mình, hiểu biết về vốn văn hoá truyền thống của các dân tộc trên quê hương mình; Hình thành và

phát triển ở học sinh các kỹ năng tiếp cận, khai thác tri thức và vốn văn hoá truyền thống của địa phương để tiếp thu, học hỏi, vận dụng trong hoạt động hiện tại cũng như sau này; Giáo dục truyền thống văn hoá, bồi dưỡng ý thức dân tộc, nâng cao thái độ trân trọng di sản văn hoá dân tộc và trách nhiệm đối với sự phát triển của cộng đồng và quê hương, hình thành ở học sinh tình cảm trong sáng, cao đẹp, yêu thương, gắn bó với cộng đồng.

Chúng ta cần tạo điều kiện để học sinh được trải nghiệm các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc mình để dòng chảy văn hóa không ngừng được nuôi dưỡng và lớn mạnh. Tổ chức các hoạt động tìm hiểu, thể hiện, giao lưu văn hóa để học sinh được trao đổi học tập và cùng tham gia vào việc bảo tồn, phát triển các giá trị di sản văn hóa. Nhờ được tiếp xúc thường xuyên với các hoạt động văn hóa và thông qua hoạt động văn hóa mà học sinh luôn hiểu biết, gìn giữ được bản sắc văn hóa của dân tộc. Vận dụng các giá trị văn hóa tiến bộ để hình thành quan hệ và lối ứng xử văn hóa là góp phần quan trọng vào nhiệm vụ giáo dục toàn diện học sinh.

Di sản được hình thành và gìn giữ bởi con người, đồng thời, cũng chính con người là đối tượng tác động tích cực hoặc tiêu cực vào di sản. Từ thực tế bảo tồn, phát huy di sản văn hóa cho thấy vai trò quyết định và quan trọng của cộng đồng. Không có hàng rào bảo vệ di sản vững chắc nào bằng “hàng rào” được xây dựng bằng tình yêu và ý thức trách nhiệm của cộng đồng. Thông qua giáo dục với những bài học từ sách vở hy vọng chúng ta sẽ giáo dục những thế hệ tương lai ý thức bảo tồn và phát huy những di sản văn hóa dân tộc. Tôi xin chia sẻ đề tài: ***Lồng ghép di sản văn hóa Việt được Unesco ghi danh để nâng cao chất lượng giảng dạy Lịch sử 10.***

Qua đây tôi cũng mong nhận được sự đồng cảm của Ban giám khảo, và quý thầy cô bộ môn góp ý giúp cho đề tài được hoàn thiện hơn, cùng hỗ trợ chung sức để môn Lịch sử trở thành bộ môn yêu thích của các thế hệ học trò và hoàn thành sứ mệnh bộ môn trong giáo dục thế hệ trẻ.

III. PHẦN NỘI DUNG SÁNG KIẾN

1. Mô tả giải pháp đã biết

1.1. Tình trạng thực tế và phương pháp tổ chức dạy học hiện tại .

Trước khi áp dụng sáng kiến, việc giảng dạy các nội dung liên quan đến văn hóa và di sản trong chương trình Lịch sử 10 (bộ sách Cánh Diều) tại THPT Xuân Trường B thường được thực hiện theo các phương pháp truyền thống . Phương pháp

thuyết trình, diễn giảng . Giáo viên chủ yếu sử dụng sách giáo khoa làm nguồn tư liệu chính. Các kiến thức về di sản văn hóa Việt Nam thường được giới thiệu một cách khái quát, liệt kê tên gọi, địa điểm và niên đại.

Hình thức tổ chức: Đa số các tiết học diễn ra trong không gian lớp học. Việc quan sát di sản chỉ dừng lại ở các hình ảnh tĩnh có sẵn trong sách giáo khoa hoặc một vài slide trình chiếu Powerpoint đơn giản, thiếu sự tương tác và kết nối đa phương tiện.

Kiểm tra đánh giá: Chủ yếu tập trung vào việc ghi nhớ các mốc thời gian, tên gọi các di sản văn hóa, chưa chú trọng đến việc đánh giá năng lực vận dụng, phân tích giá trị di sản hoặc ý thức bảo tồn của học sinh.

1.2. Phân tích ưu điểm và nhược điểm của giải pháp cũ

a. Ưu điểm và thuận lợi :

Ưu điểm : Đảm bảo cung cấp đầy đủ lượng kiến thức cơ bản theo khung chương trình và sách giáo khoa. Giáo viên chủ động được thời gian trên lớp, không đòi hỏi quá nhiều về trang thiết bị công nghệ phức tạp.

Thuận lợi: Bộ sách Cánh Diều lớp 10 đã có những nội dung khá rõ ràng về Sử học với di sản (Bài 4) và các chương về văn hóa, tạo tiền đề lý thuyết tốt để giáo viên triển khai bài dạy.

b. Nhược điểm và khó khăn: Tính trực quan thấp: Việc mô tả di sản bằng lời nói hoặc hình ảnh tĩnh không lột tả được vẻ đẹp hùng vĩ, giá trị nghệ thuật tinh xảo hay không gian văn hóa linh thiêng của các di sản được UNESCO ghi danh (như Nhã nhạc cung đình Huế hay Không gian văn hóa Cồng chiêng Tây Nguyên). Sự thụ động của học sinh. Học sinh tiếp nhận kiến thức một chiều, dẫn đến tình trạng học "vẹt", nhanh quên và không cảm thấy hào hứng với các giá trị truyền thống . Khó khăn trong thực hiện mục tiêu phát triển năng lực . Phương pháp cũ khó đáp ứng yêu cầu của Chương trình GDPT 2018 trong việc hình thành năng lực tìm hiểu lịch sử, năng lực vận dụng kiến thức và phẩm chất trách nhiệm đối với di sản quốc gia.

1.3. Nguyên nhân dẫn đến tình hình trên . Việc duy trì các giải pháp cũ chưa thực sự hiệu quả xuất phát từ các nguyên nhân chính sau:

+ Về phía giáo viên: Do áp lực về thời gian hoàn thành chương trình và việc chuẩn bị tư liệu di sản (video, hình ảnh 360, tư liệu chuyên sâu) đòi hỏi nhiều công sức và kỹ năng công nghệ thông tin. Một số giáo viên còn lúng túng trong việc kết nối giữa kiến thức lý thuyết Sử học với thực tế sinh động của di sản UNESCO.

+ Về phía học sinh: Học sinh hiện nay chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của các phương tiện giải trí hiện đại, nếu bài học Lịch sử không có sự đổi mới về hình thức và nội dung, các em sẽ cảm thấy di sản là những thứ "xa rời thực tế" và "thuộc về quá khứ".

+ Về cơ sở vật chất: Mặc dù đã có tivi và internet, nhưng việc khai thác các kho liệu số chuyên biệt về di sản UNESCO chưa được thực hiện một cách hệ thống và bài bản trong các tổ chuyên môn. Di sản văn hóa là một bộ phận rất quan trọng của nền văn hóa dân tộc, là chứng tích cho sự phát triển của cộng đồng. Nhân dân lao động vừa là chủ nhân, vừa là lực lượng nòng cốt để xây dựng nên kho tàng di sản văn hóa ấy. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa là trách nhiệm của toàn dân và của cả xã hội. Giáo dục ý thức và trách nhiệm về di sản văn hóa cho thế hệ trẻ là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của chương trình “Trường học thân thiện học sinh tích cực”. Thế hệ trẻ là chủ nhân của đất nước, là người sở hữu các di sản văn hóa. Giáo dục di sản văn hóa và giáo dục thông qua các di sản văn hóa cho thế hệ trẻ là góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Như vậy Di sản văn hóa không chỉ được coi là tài sản có giá trị giáo dục truyền thống, giáo dục nhân cách cho thế hệ trẻ, mà còn là một nguồn lực to lớn góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Di sản văn hóa là một lĩnh vực được quan tâm đặc biệt, huy động được nhiều sự đóng góp của nhân dân trong việc bảo tồn, phát huy giá trị. Nhà nước ta từ Trung ương đến địa phương đã ban hành các văn bản về quản lý di sản. Nhiều đề tài khoa học, nhiều dự án quy hoạch được thực hiện; nhiều loại hình văn hóa, văn nghệ, nghệ thuật truyền thống, di sản dân gian được khôi phục, bảo tồn, khai thác và phát huy, một số di sản văn hóa phi vật thể nằm ở tầng sâu của văn hóa dân gian đã được nghiên cứu, khôi phục và trở thành di sản văn hóa thế giới như: Hát Xoan Phú Thọ, Ca trù Việt Nam và Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương...Hiện nay, công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa cũng còn nhiều bất cập. Nguy cơ thất truyền, mai một của nhiều loại hình di sản văn hóa phi vật thể và sự xuống cấp của các di tích lịch sử vẫn còn ở mức báo động, việc phát huy giá trị các lễ hội truyền thống còn nhiều hạn chế, tình trạng lấn chiếm di tích, danh lam, thắng cảnh, hiện tượng xây dựng trái phép, tu bổ di tích sai nguyên tắc chưa có biện pháp ngăn chặn kịp thời...Trong khi cuộc sống xã hội ngày càng sôi động, thì không gian dành cho các loại hình văn hóa truyền thống ngày càng thu hẹp hoặc bị thay đổi. Giới trẻ hiện nay số đông không hiểu hết giá trị của các di sản văn hóa, mà có xu hướng ưa chuộng những hình thức nghệ thuật mới, hiện đại, ít quan tâm tìm hiểu cái hay, cái đẹp của nghệ thuật dân tộc. Vì vậy, việc bảo tồn và

phát huy được các giá trị của di sản văn hóa đã có lúc trở thành nguy cơ tiềm ẩn trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

Thực tiễn đã chứng minh không ai có thể giữ gìn di sản văn hóa tốt hơn, hiệu quả hơn chính chủ nhân của các loại hình di sản văn hóa ấy. Di sản văn hóa không thể đứng ngoài sinh hoạt của cộng đồng dân cư, hoặc đứng ngoài không gian văn hóa của nó. Để có thể duy trì sức sống cho di sản văn hóa vốn đã được nhân loại tôn vinh, thì trước hết, các di sản văn hóa ấy phải được bảo tồn như nó vốn có, phải được "sống", được người dân thừa nhận ngay trong chính đời sống của cộng đồng. Cho nên, cần ứng xử với di sản văn hóa bằng lòng tự hào dân tộc bằng hiểu biết và niềm đam mê cái đẹp, bằng cái cảm sự tinh túy các di sản văn hóa.

Muốn có được điều ấy, chúng ta cần tăng cường giáo dục thẩm mỹ, giáo dục sự hiểu biết các tri thức văn hóa nói chung và di sản văn hóa dân tộc nói riêng, từ đó khơi dậy và nhân lên niềm đam mê, ý thức bảo vệ di sản trong thế hệ trẻ. Phương thức giáo dục của chúng ta từ xưa đến nay là gắn lý thuyết với thực hành, gắn nhà trường với địa phương. Nội dung các môn học đều có đề cập đến giáo dục giá trị truyền thống (hay giáo dục di sản). Trong chương trình xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực, có 2 nội dung liên quan đến bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa:

Tổ chức đời sống văn hóa tinh thần trong nhà trường gắn với việc khai thác văn hóa dân gian, chăm sóc di sản gắn với tìm hiểu các di tích lịch sử, văn hóa. Có nghĩa là bao gồm cả việc giáo dục di sản và giáo dục thông qua di sản, làm cho học sinh hiểu biết về di sản, từ đó có tình cảm, đạo đức, niềm tự hào về các giá trị truyền thống của dân tộc, đất nước.

Mục đích quan trọng nhất của giải pháp này là giúp học sinh nâng cao tinh thần tích cực tự giác và ý thức trong giữ gìn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc. Đồng thời qua việc thực hiện nhiệm vụ mà giáo viên giao học sinh sẽ tự nhận ra giá trị của bản thân cũng như những sở trường và thế mạnh của mỗi cá nhân từ thuyết trình, tìm tòi tài liệu. Góp phần giúp các em có thêm kỹ năng và định hướng được nghề nghiệp tương lai.

2. Nội dung các giải pháp mới; tính mới, tính sáng tạo; hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến

2.1. Nội dung các giải pháp mới. Đây là đề tài được thực hiện trên tinh thần của chương trình đổi mới vì đây là năm thứ 3 lớp 10 thực hiện theo chương trình sách giáo khoa 2018. Do đó đề tài tôi chọn tập trung vào 4 giải pháp sau :

- **Giải pháp 1 :** Xác định hệ thống di sản Việt Nam được UNESCO công nhận có thể sử dụng trong dạy học lịch sử lớp 10.

- **Giải pháp 2:** Xác định được những nguyên tắc sử dụng di sản trong dạy học lịch sử 10.

- **Giải pháp 3:** Đề xuất một số biện pháp lồng ghép để sử dụng di sản vào dạy học lịch sử lớp 10 một cách hợp lí, khoa học, phù hợp với yêu cầu đổi mới việc dạy học lịch sử hiện nay, đặc biệt đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học về di sản.

- **Giải pháp 4 :** Đề xuất các biện pháp cần bảo tồn các di sản vì sự phát triển bền vững.

Đề tài đã đưa ra một số giải pháp giáo dục di sản cho HS, từ đó nâng cao thái độ, hiểu biết và hứng thú quảng bá của HS về di sản để phát triển du lịch một cách phong phú, đa dạng , có tính lan tỏa rộng với ứng dụng công nghệ thông tin đa dạng.

Giáo viên bộ môn có thể áp dụng vào dạy học lịch sử ở một số bài trong chương trình lịch sử lớp 10 và lịch sử dân tộc đang hiện hành, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh, sử dụng cho chuyên đề học tập Lịch sử 10 và sử dụng trong các tiết thực hành ở lớp 10.

2.1.1 Giải pháp 1: Xác định hệ thống di sản Việt Nam được UNESCO công nhận có thể sử dụng trong dạy học lịch sử lớp 10.

Để hiểu rõ hệ thống di sản Việt Nam được UNESCO công nhận thầy cô sẽ đi tìm hiểu Khái niệm thế nào là di sản ?

Di sản là di chỉ, di tích hay danh thắng của một quốc gia như rừng, dãy núi, hồ, sa mạc, tòa nhà, quần thể kiến trúc, văn hoá dân tộc... có những giá trị về tự nhiên, những giá trị văn hoá vật thể hoặc phi vật thể được để lại từ xa xưa và tồn tại cho tới ngày nay, đó chính là tài sản của mỗi quốc gia (Bộ GD và ĐT, 2013).

Di sản vật thể thế giới

- **Di sản thiên nhiên:** Trong Công ước về di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới (UNESCO, 1972), những loại hình thuộc về di sản thiên nhiên bao gồm : Các cấu tạo tự nhiên (natural features): bao gồm các thành tạo vật lý hoặc sinh học hoặc các nhóm có thành tạo thuộc loại đó mà xét theo quan điểm thẩm mỹ hoặc khoa học là có giá trị nổi tiếng toàn cầu. Các thành tạo địa chất và địa văn (geological and physiographical formations) và các khu vực được khoanh vùng chính xác làm nơi cư trú cho các loài động vật và thảo mộc bị đe dọa mà, xét theo quan điểm khoa học hoặc bảo tồn là có giá trị nổi tiếng toàn cầu.

Các địa điểm tự nhiên (natural sites) hoặc các khu vực tự nhiên đã được khoanh vùng cụ thể mà, xét theo quan điểm khoa học, bảo tồn hoặc vẻ đẹp thiên nhiên là có giá trị nổi tiếng toàn cầu.

Như vậy, những di sản thiên nhiên là những tuyệt tác do thiên nhiên tạo ra cùng với quá trình kiến tạo của Trái đất. Các đặc trưng tự nhiên bao gồm thành tạo hoặc các nhóm thành tạo vật lý hoặc sinh học có giá trị nổi bật toàn cầu xét theo quan điểm thẩm mỹ hoặc khoa học, các thành tạo địa chất hoặc địa văn và các khu vực có ranh giới được xác định chính xác tạo thành một môi sinh của các loài động thực vật đang bị đe dọa có giá trị nổi bật toàn cầu xét theo quan điểm khoa học hoặc bảo tồn; các di chỉ tự nhiên hoặc các khu vực tự nhiên có ranh giới được xác định chính xác có giá trị nổi bật toàn cầu xét theo quan điểm khoa học, bảo tồn hoặc vẻ đẹp tự nhiên.

- **Di sản văn hoá vật thể** : Theo khoản 2 Điều 4 Luật Di sản văn hoá 2001 thì di sản văn hoá vật thể là sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học, bao gồm di tích lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

- Di sản văn hoá vật thể bao gồm:

+ Di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh

+ Di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

- Di sản hỗn hợp : Năm 1992, Ủy ban Di sản thế giới mới đưa ra khái niệm di sản hỗn hợp hay còn gọi là cảnh quan văn hóa để miêu tả các mối quan hệ tương hỗ nổi bật giữa văn hóa và thiên nhiên của một số khu di sản. Nói cách khác, di sản hỗn hợp là một loại di sản kép, nó đáp ứng đủ cả hai yếu tố nổi bật về văn hóa và thiên nhiên. Một địa danh được công nhận là di sản hỗn hợp phải thỏa mãn ít nhất là một tiêu chí về di sản văn hóa và một tiêu chí về di sản thiên nhiên.

Khái niệm di sản văn hóa phi vật thể : Theo “Công ước Bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể” được UNESCO thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2003 và Việt Nam cam kết thực hiện từ ngày 20 tháng 9 năm 2005, DSVHPVT được hiểu là “các tập quán, các hình thức thể hiện, biểu đạt, tri thức, kỹ năng – cũng như những công cụ, đồ vật, đồ tạo tác và các không gian văn hóa có liên quan – mà các cộng đồng, các nhóm người và trong một số trường hợp là các cá nhân, công nhận là một phần DSVH của họ. Được chuyển giao từ thế hệ này sang thế hệ khác, DSVHPVT được các cộng đồng và các nhóm người không ngừng tái tạo để thích nghi với môi trường, với mối quan hệ qua lại giữa cộng đồng với tự nhiên và lịch sử của họ, đồng thời hình thành trong họ một ý thức về bản sắc và sự kế tục, qua đó khích lệ sự tôn trọng đối với sự

đa dạng văn hóa và tính sáng tạo của con người. Vì những mục đích của Công ước này, chỉ xét đến những DSVHPVT phù hợp với các văn kiện quốc tế hiện hành về quyền con người, cũng như những yêu cầu về sự tôn trọng lẫn nhau giữa các cộng đồng, các nhóm người và cá nhân, và về PTBV”.

Tại Điều 4, Mục 1, Văn bản hợp nhất số 10/VBHN-VPQH, ngày 23 tháng 7 năm 2013, “Luật DSVH” do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành, DSVHPVT là “sản phẩm tinh thần gắn với cộng đồng hoặc cá nhân, vật thể và không gian văn hóa liên quan, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thể hiện bản sắc của cộng đồng, không ngừng được tái tạo và lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức khác”.

- Di sản văn hoá phi vật thể bao gồm:

- + Tiếng nói, chữ viết
- + Ngữ văn dân gian
- + Nghệ thuật trình diễn dân gian
- + Tập quán xã hội và tín ngưỡng
- + Lễ hội truyền thống
- + Nghề thủ công truyền thống
- + Tri thức dân gian.

Di sản tư liệu thế giới

Di sản tư liệu thế giới (còn gọi là Chương trình Ký ức thế giới) của UNESCO ra đời từ năm 1994. Mục đích của chương trình là để ghi nhận các di sản văn hóa thuộc dạng tư liệu (Documentary Heritage) trên thế giới, đó có thể là cuốn sách, bộ phim, bức ảnh, giọng nói (băng ghi âm), hay là bút tích.

Vai trò và ý nghĩa của việc lồng ghép di sản văn hóa Việt được UNESCO ghi danh trong dạy học lịch sử lớp 10

- **Thứ nhất**, DS là nguồn sử liệu gốc tại chỗ, quý giá. DS là một trong những bộ phận của sử liệu trực tiếp, mang tính nguyên gốc, chưa thông qua một lăng kính chủ quan nào. Cho nên, chúng mang tính khách quan, chân thực nhất so với các loại tài liệu khác, là chuẩn mực cho việc nghiên cứu, học tập lịch sử. Đặc biệt hiện nay, đổi mới PPDH lịch sử phải lấy HS và hoạt động học làm trung tâm; sử dụng những kinh nghiệm và tri thức của địa phương; tận dụng khai thác nguồn học liệu tại chỗ là những di sản văn hóa gần gũi, xung quanh môi trường sống, dễ tiếp cận đối với HS. Mọi DS dù được xếp hạng, hay chưa được xếp hạng đều có giá trị, là kho sử liệu vô giá, phản ánh, tái hiện lại các sự kiện, nhân vật lịch sử quan trọng

của dân tộc và địa phương trên tất cả các mặt lịch sử, địa lý, kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa, tư tưởng, nghệ thuật, phong tục tập quán... qua các thời kỳ. Vì thế, nó tạo ra khả năng đa dạng để khai thác, sử dụng thường xuyên và hiệu quả trong DH Lịch Sử.

- **Thứ hai**, DS là phương tiện trực quan sinh động, hấp dẫn. Do đặc trưng của kiến thức lịch sử, HS không thể trực tiếp quan sát các sự kiện, nhân vật... trong quá khứ. Song, cũng như ở các môn học khác, học tập lịch sử vẫn phải tuân theo quy luật của quá trình nhận thức. Trước hết, thông qua các loại tài liệu, HS tiếp thu những kiến thức cơ bản đủ để “trực quan sinh động”, tạo biểu tượng về sự kiện đã xảy ra, làm cơ sở cho “tư duy trừu tượng”, đưa ra các nhận xét, đánh giá, bài học kinh nghiệm... Tuy nhiên, trong giờ học, lời nói của GV dù có hấp dẫn, sinh động và giàu hình ảnh đến đâu cũng khó có thể tạo hình ảnh cụ thể, chính xác, đầy đủ về hiện thực lịch sử như nó đã xảy ra. Chính vì vậy, sử dụng phương tiện trực quan, đặc biệt là DS đã khắc phục những hạn chế của quá trình nhận thức lịch sử. Các DS dù là vật thật hay ảo (thể hiện qua tranh ảnh, phim...) được sử dụng trong dạy học, đều góp phần nâng cao tính trực quan, giúp HS mở rộng khả năng tiếp cận với đối tượng liên quan đến bài học tồn tại trong thực địa bởi “những biểu hiện của các DS là những đồ dùng trực quan đáng tin cậy nhất, là nhân chứng trực tiếp của các thời đại xa rồi”. Khi tìm hiểu, HS phải quan sát, thậm chí tiến hành quay phim, chụp ảnh, vẽ sơ đồ, miêu tả di tích... Những nhiệm vụ đó giúp các em tạo biểu tượng cụ thể, chân thực về quá khứ, khắc phục tình trạng “hiện đại hoá” lịch sử, thấy được các mối liên hệ giữa không gian với nhân vật, không gian với thời gian, lịch sử với địa lý.... Chính việc học tập gắn với “thực tế trực tiếp bao quanh HS” đã tạo ra sự lôi cuốn, hấp dẫn đối với HS mà không một phương tiện nào có thể thay thế được.

- **Thứ ba**, DS là môi trường giáo dục thân thuộc, xung quanh và thường xuyên. DS là sự kết tinh của những tinh hoa do nhân dân sáng tạo ra, phản ánh ý chí nghị lực phi thường, bàn tay khéo léo, khối óc sáng tạo, lòng yêu nước, anh dũng kiên cường, những gian khổ hi sinh của biết bao thế hệ người con trong quá trình dựng nước và giữ nước được thế giới biết đến và ngưỡng mộ. Vì vậy, sử dụng chính những “bằng chứng vật chất sống động”, thân thuộc, ở xung quanh HS đã làm cho tri thức lịch sử hàm chứa trong từng di tích sẽ in sâu vào tâm trí; những kinh nghiệm, bài học lịch sử trở nên sống động, thiết thực; những tấm gương của tiền nhân luôn hiển hiện trong bản lĩnh của mỗi người; niềm tự hào quê hương, đất nước trở thành tình

cảm thiêng liêng, trân quý. Thế hệ trẻ là chủ nhân của đất nước. Giáo dục cho các em hiểu được sâu sắc và toàn diện vai trò, ý nghĩa của DS từ khi còn ở trên ghế nhà trường là một trong những biện pháp hữu hiệu để gìn giữ và phát huy giá trị của DS, biến nó thành cội nguồn sức mạnh, là nền tảng, động lực xây dựng và phát triển quê hương. Đây là trách nhiệm của nhà trường trước các bậc tiền nhân, với quê hương anh hùng và thế hệ trẻ mai sau.

- **Thứ tư**, sử dụng DS trong DH góp phần định hướng nghề nghiệp cho HS. Dạy lịch sử ở trường phổ thông và giáo dục DS có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Sử dụng DS giúp tái hiện lịch sử một cách trực quan sinh động, phát triển nhận thức, tăng thêm tính hứng thú học tập và góp phần giáo dục lòng yêu nước cho HS... Ngược lại, DS là một trong những con đường để truyền bá kiến thức về DS, giáo dục thế hệ trẻ - những chủ nhân tương lai của đất nước nhận thức và ý thức bảo vệ DS của dân tộc, địa phương. Qua đó, các em được định hướng về mặt nghề nghiệp để sau này đi vào chuyên ngành DSVH, Bảo tồn, bảo tàng, Hướng dẫn viên du lịch, Thuyết minh viên hay các ngành liên quan đến công nghiệp văn hoá ...

Thực trạng về các di sản Việt Nam. Giáo dục di sản và đưa di sản vào trường học thường được chia thành 3 nhóm (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2013):

Nhóm 1: Các di sản được UNESCO công nhận (bao gồm cả di sản văn hóa, di sản thiên nhiên và di sản hỗn hợp), tính đến thời điểm năm 2022 thì Việt Nam có 2 di sản thiên nhiên thế giới; 1 công viên địa chất toàn cầu; 1 di sản hỗn hợp; 5 di sản văn hóa vật thể; 15 di sản văn hóa phi vật thể trong đó có 1 di sản là di sản văn hóa đa quốc gia (nghi lễ và trò chơi kéo co của các nước Việt Nam, Campuchia, Hàn Quốc và Philippines); và 4 di sản tư liệu thế giới. Việt Nam với nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng cùng kho tàng văn hóa đồ sộ, độc đáo trải dài 4.000 năm lịch sử dân tộc, tất cả những điều đó góp phần đưa Việt Nam trở thành một trong những quốc gia du lịch nổi tiếng thế giới với 27 di sản được UNESCO vinh danh.

Nhóm 2: Các di sản đặc biệt cấp quốc gia và các di sản cấp quốc gia

Nhóm 3: Các di sản cấp tỉnh

Tính đến năm 2014, Việt Nam có hơn 40.000 di tích, thắng cảnh trong đó có hơn 3.000 di tích được xếp hạng di tích quốc gia và hơn 7.000 di tích được xếp hạng cấp tỉnh. Mật độ và số lượng di tích nhiều nhất ở 11 tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng với tỷ lệ chiếm khoảng 70% di tích của Việt Nam. Trong số di tích quốc gia có 62 di tích quốc gia đặc biệt.

Những DS trên được các trường học, các GV sử dụng/lồng ghép/tích hợp và đưa vào trong các hoạt động cụ thể của từng trường phổ thông ở mỗi địa phương và nội dung các bài học địa lí, lịch sử, giáo dục công dân, âm nhạc,...

Mục đích của việc đưa DS vào trong trường học là để giúp học sinh hiểu biết về giá trị của các DS, qua đó giáo dục các em ý thức gìn giữ, bảo vệ các DS, đồng thời góp phần thúc đẩy việc đổi mới phương pháp dạy học, thực hiện đa dạng hóa hình thức tổ chức dạy học, hướng tới việc phát triển toàn diện cho học sinh. Chương trình đưa DS vào trong trường học cần được các trường xây dựng linh hoạt, phù hợp với điều kiện vùng miền, văn hóa dân tộc và phải phù hợp với mọi điều kiện của nhà trường ở các khu vực: nông thôn, thành thị, miền núi, ven biển, hải đảo... và mọi đối tượng học sinh.

Thực trạng dạy học lịch sử nói chung và sử dụng di sản ở trường THPT nói riêng

Qua quá trình giảng dạy và tìm hiểu thực tế ở trường tôi công tác và một số trường THPT trên địa bàn huyện Xuân Trường tôi đã thu được một số kết quả cụ thể như sau:

Về phía giáo viên: Việc đưa di sản vào dạy học và tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho HS cũng còn khá nhiều tồn tại. Tổ chức tham quan, học tập trải nghiệm tại DS vẫn chỉ mang tính hình thức, “cưỡi ngựa xem hoa”. Việc đưa DS vào trong trường học cũng gặp khó khăn nhất định, nhất là trong việc lựa chọn DS để tích hợp vào bài học và thời gian để tổ chức các hoạt động ngoại khóa...

Nội dung giáo dục giá trị DS mà các GV thường giáo dục cho HS chủ yếu là ý nghĩa, vai trò và giá trị của DS. Trong khi trên thực tế, các DS ngày càng xuống cấp, cần được bảo vệ thì việc giáo dục ý thức và trách nhiệm bảo tồn các DS vẫn chưa được sâu sắc. Ngoài ra, mức độ tiến hành giáo dục DS cho học sinh qua bài dạy lịch sử nhìn chung còn thấp, chỉ 30% giáo viên là thường xuyên thực hiện giáo dục DS, đặc biệt vẫn có những GV rất hiếm khi chú ý đến việc này.

Về phương pháp của GV trong việc giáo dục DS: qua dự giờ cho thấy, đa số GV đều kết hợp nhiều phương pháp để giáo dục DS cho học sinh. Tuy nhiên, phương pháp được GV sử dụng nhiều vẫn là các phương pháp truyền thống. Các phương pháp có tác dụng đến hoạt động nhận thức của HS còn ít được sử dụng, thậm chí không áp dụng như phương pháp điều tra khảo sát, tham quan thực tế. Các GV đều cho rằng không đủ thời gian cho bài học và cũng khó áp dụng vì thiếu nguồn kinh phí.

Về hình thức tổ chức dạy học khá đa dạng : Một số trường phổ thông đã khuyến khích học sinh tham gia các lễ hội truyền thống tại địa phương, đó cũng là một trong những hình thức tuyên truyền và duy trì các loại hình văn hóa phi vật thể và cũng chính là một trong những điều kiện hết sức quan trọng để duy trì môi trường sống cho những thể loại nghệ thuật cổ truyền.

Tuy nhiên, hình thức chiếm ưu thế nhất chủ yếu vẫn là hình thức dạy học theo lớp, khả năng huy động HS làm việc không cao. Các hình thức như trò chơi học tập, dạy học ngoài trời... có khả năng phát huy tính độc lập, sáng tạo của HS thì ít được sử dụng. Giáo dục DS vẫn còn gặp nhiều khó khăn, theo đánh giá của GV là thiếu phương tiện dạy học, thiếu thời gian và các hướng dẫn. Chính vì vậy, mức độ đạt được mục tiêu khi giáo dục DS cho HS còn thấp. Theo đánh giá của GV thì các mục tiêu đề ra của việc giáo dục DS nhìn chung mới chỉ đạt mức trung bình và khá.

Thông qua việc điều tra thực tế dạy học lịch sử ở trường THPT, chúng tôi nhận thấy 100% giáo viên khi được hỏi: *“Quan niệm về việc sử dụng đồ dùng trực quan nói chung và di sản nói riêng trong dạy học lịch sử”* thì đều trả lời rằng: đồ dùng trực quan, trong đó có di sản là một phương tiện dạy học có hiệu quả sư phạm. Nó cung cấp, cụ thể hóa kiến thức, tạo những biểu tượng lịch sử sinh động, chính xác cho học sinh. Nếu được sử dụng tốt, di sản sẽ phát huy năng lực hoạt động nhận thức độc lập, góp phần không nhỏ vào việc rèn luyện kỹ năng thực hành bộ môn cho học sinh. Tác dụng giáo dục tư tưởng, đạo đức cho học sinh qua việc học tập lịch sử tại các di sản cũng rất sâu sắc.

Tuy vậy, phần lớn GV lại cho rằng, rất khó sử dụng DS để dạy học lịch sử. Bởi điều kiện cơ sở vật chất của các trường THPT còn hạn chế. Không ít GV đưa ra lý do vì đồng lương eo hẹp, không đủ trang trải cho cuộc sống nên không thể đầu tư cho việc chuẩn bị các đồ dùng trực quan, nhất là các video về các DS, một công việc đòi hỏi nhiều công sức và rất tốn kém về mặt thời gian. Hầu hết, GV chỉ tận dụng những tranh ảnh trong SGK để phục vụ cho bài giảng của mình

- Về phía học sinh cũng còn rất nhiều điều đáng phải đưa ra xem xét để tìm cách khắc phục. Qua việc điều tra ở học sinh lớp 10 : Khi hỏi về hiểu biết của em về các di sản Việt Nam được UNESCO công nhận. Kết quả thu được như sau : Có 10 % HS kể được 7-10 di sản, Có 15% HS kể được 3-6 di sản, Còn 75 % HS biết rất ít về DS, không rõ di sản mình kể là di sản quốc gia hay địa phương hay di sản được UNESCO công nhận. Khi hỏi hiểu biết của em về một di sản cụ thể được UNESCO công nhận thì hầu hết các em không rõ, trả lời sơ sài, qua loa.

Thông qua, tìm hiểu, khảo sát học sinh THPT, tôi nhận thấy rằng tất cả các em đều rất hứng thú với những giờ học sử dụng đồ dùng trực quan, các giờ học lịch sử tại lớp. Qua thực tiễn dạy học cho thấy các tiết học về lịch sử có sử dụng các di sản thì không khí học tập rất sôi nổi, các em hăng hái phát biểu ý kiến và thảo luận. Tuy vậy, sự hiểu biết về di sản của HS còn hạn chế. Hầu hết học sinh THPT có biết đến những di sản trên địa bàn các em ở vì hàng ngày các em đi qua và đều nhìn thấy nhưng phần lớn các em không hiểu rõ các di sản ở quê hương mình phản ánh sự kiện, hiện tượng lịch sử gì. Còn các DS của Việt Nam được UNESCO công nhận có giá trị về mặt lịch sử, khoa học, thẩm mỹ như thế nào thì hầu như các em không biết hoặc biết với mức độ rất hạn chế..

Vì vậy, để nâng cao chất lượng dạy học lịch sử thì việc khai thác nội dung và sử dụng DS phải được các GV lịch sử coi trọng. Để tránh tình trạng nặng nề, quá tải cho HS, việc giáo dục di sản cần đa dạng trong hình thức tổ chức dạy và học. Tùy điều kiện của từng địa phương và đặc thù của từng bậc học, cấp học mà mỗi trường có một cách tổ chức phù hợp. Phương thức tổ chức dạy học các nội dung DS trong trường học bao gồm lồng ghép nội dung dạy học DS vào các môn học, hoạt động giáo dục trong chương trình giáo dục phổ thông (nội khóa hoặc ngoại khóa); xây dựng kế hoạch và tổ chức dạy học, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao có chủ đề liên quan đến di sản có tính chất điển hình và hướng dẫn học sinh tự tìm hiểu, khai thác các nội dung khác của DS thông qua tư liệu, hiện vật; tổ chức chăm sóc DS, các hoạt động giáo dục tại DS. Tùy hoàn cảnh và đối tượng mà khuyến khích các hình thức giáo dục di sản khác nhau. Ở thành phố thì giáo dục ở các bảo tàng, các DS văn hóa là quan trọng. Ở vùng núi, vùng xa xôi hẻo lánh không có bảo tàng, xa cách DS thì tập trung giáo dục các di sản vật thể của các dân tộc thiểu số, theo đặc trưng và văn hóa riêng của từng dân tộc, từng vùng miền.

Tên các Di sản Việt được Unesco ghi danh cần lồng ghép trong dạy học lịch sử lớp 10

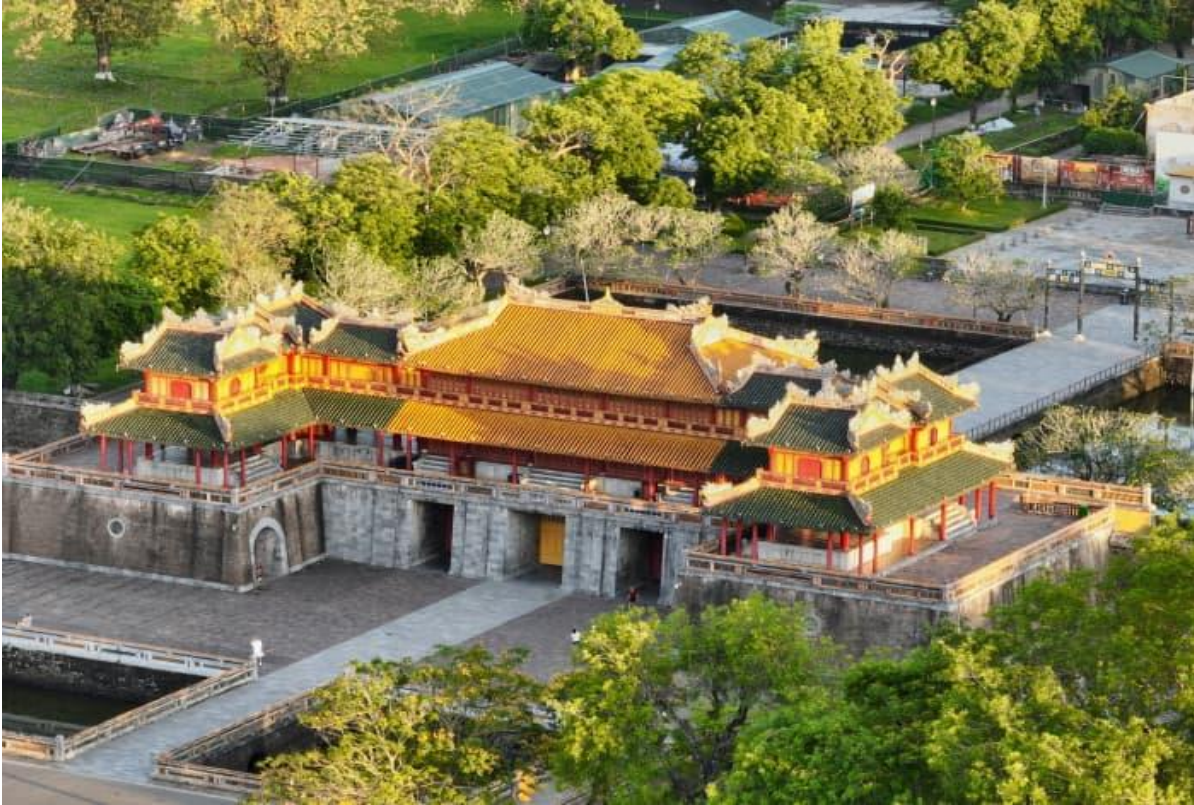
Di sản vật thể thế giới.

Tính đến năm 2022, Việt Nam có 123 Di tích quốc gia đặc biệt, trong đó có 5 di tích được UNESCO ghi danh là Di sản Văn hóa Thế giới.

- Quần thể di tích Cố đô Huế

Trong gần 400 năm (1558-1945), Huế đã từng là Thủ phủ của 9 đời chúa Nguyễn ở Đàng Trong, là Kinh đô của triều đại Tây Sơn, rồi đến Kinh đô của quốc gia thống nhất dưới 13 triều vua Nguyễn. Cố đô Huế ngày nay vẫn còn lưu giữ trong

lòng những di sản văn hóa vật thể và phi vật thể chứa đựng nhiều giá trị biểu trưng cho trí tuệ và tâm hồn của dân tộc Việt Nam.



Quần thể di tích Cố đô Huế

Nằm giữa lòng Huế, bên bờ Bắc của con sông Hương dòng chảy xuyên qua từ Tây sang Đông, hệ thống kiến trúc biểu thị cho quyền uy của chế độ trung ương tập quyền Nguyễn vẫn đang sừng sững trước bao biến động của thời gian. Đó là Kinh thành Huế, Hoàng thành Huế, Tử cấm thành Huế, ba tòa thành lồng vào nhau được bố trí đăng đối trên một trục dọc xuyên suốt từ mặt Nam ra mặt Bắc. Hệ thống thành quách ở đây là một mẫu mực của sự kết hợp hài hòa nhuần nhuyễn giữa tinh hoa kiến trúc Đông và Tây, được đặt trong một khung cảnh thiên nhiên kỳ thú với nhiều yếu tố biểu tượng sẵn có tự nhiên đến mức người ta mặc nhiên xem đó là những bộ phận của Kinh thành Huế - đó là núi Ngự Bình, dòng Hương Giang, cồn Giã Viên, cồn Bộc Thanh... Nhìn từ phía ngược lại, những công trình kiến trúc ở đây như hòa lẫn vào thiên nhiên tạo nên những tiết tấu diệu kỳ khiến người ta quên mất bàn tay con người đã tác động lên nó.

Quần thể di tích Cố đô Huế hay Quần thể di tích Huế là những di tích lịch sử - văn hóa do triều Nguyễn chủ trương xây dựng trong khoảng thời gian từ đầu thế kỷ 19 đến nửa đầu thế kỷ 20 trên địa bàn kinh đô Huế xưa, nay thuộc phạm vi thành phố Huế và một vài vùng phụ cận thuộc tỉnh Thừa Thiên-Huế, Việt Nam.

Phần lớn các di tích này nay thuộc sự quản lý của Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế và được UNESCO công nhận là Di sản Văn hóa Thế giới vào ngày 11/12/1993.

- Phố cổ Hội An

Phố cổ Hội An là một thành phố nổi tiếng của tỉnh Quảng Nam, một phố cổ giữ được gần như nguyên vẹn với hơn 1000 di tích kiến trúc từ phố xá, nhà cửa, hội quán, đình, chùa, miếu, nhà thờ tộc, giếng cổ... đến các món ăn truyền thống, tâm hồn của người dân nơi đây. Một lần du lịch Hội An sẽ làm say đắm lòng du khách bởi những nét đẹp trường tồn cùng thời gian, vô cùng mộc mạc, bình dị.

Đô thị cổ Hội An (Quảng Nam) ngày nay là một điển hình đặc biệt về cảnh thị truyền thống ở Đông Nam Á được bảo tồn nguyên vẹn và chu đáo. Phần lớn những ngôi nhà ở đây là những kiến trúc truyền thống có niên đại từ thế kỷ 17 đến thế kỷ 19, phân bố dọc theo những trục phố nhỏ hẹp. Hội An cũng là vùng đất ghi nhiều dấu ấn của sự pha trộn, giao thoa văn hóa. Các hội quán, đền miếu mang dấu tích của người Hoa nằm bên những ngôi nhà phố truyền thống của người Việt và những ngôi nhà mang phong cách kiến trúc Pháp.



Phố cổ Hội An

Với những giá trị nổi bật, tại kỳ họp lần thứ 23 ngày 4/12/1999, Tổ chức UNESCO đã công nhận đô thị cổ Hội An là một di sản văn hóa thế giới.

- Thánh địa Mỹ Sơn

Thánh địa Mỹ Sơn thuộc xã Duy Phú, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, là tổ hợp gồm nhiều đền đài Chăm Pa trong một thung lũng đường kính khoảng 2 km với hơn 70 ngôi đền tháp khác nhau mang nhiều nét kiến trúc lịch sử tiêu biểu cho từng giai đoạn phát triển của Chăm Pa cổ. Xưa đây từng là nơi tổ chức cúng tế cũng như là lăng mộ của các vị vua Chăm pa hay hoàng thân, quốc thích.



Thánh địa Mỹ Sơn

Thánh địa Mỹ Sơn có niên đại từ khoảng thế kỷ IV dưới thời đại vua Phạm Hồ Đạt, là nơi dùng để thờ cúng thần Linga và Shiva. Sau hai thế kỷ tiếp theo, ngôi đền bị thiêu rụi trong một trận hỏa hoạn lớn. Và tới thế kỷ VII, vua Phạm Phạn Chi đã cho xây lại các ngôi đền - di tích còn tồn tại đến ngày nay.

Thánh địa Mỹ Sơn với hơn 70 ngôi đền được chạm khắc tinh xảo, cầu kỳ mang nhiều dòng chữ quan trọng bằng tiếng Phạn và tiếng Chăm. Di tích này đã bị quên lãng cho đến năm 1898, một người Pháp cùng đồng nghiệp của ông đã phát hiện ra khu di tích nằm ẩn mình trong rừng, giữa lòng thung lũng xung quanh được 2 ngọn núi hùng vĩ che chở. Ngoài ra, ấn tượng đặc biệt khác khiến thánh địa Mỹ Sơn nổi tiếng đó chính là phần gạch dùng để xây nên các tòa tháp cổ. Những viên gạch được nung và cắt khối, sau đó xếp chồng lên nhau một cách khéo léo mà không hề sử dụng bất kỳ các loại chất kết dính nào.

Năm 1999, Thánh địa Mỹ Sơn đã được UNESCO chọn là một trong các di sản thế giới tân thời và hiện đại.

- Hoàng thành Thăng Long

Hoàng thành Thăng Long là quần thể di tích gắn với lịch sử kinh thành Thăng Long - Đông Kinh và tỉnh thành Hà Nội bắt đầu từ thời kì tiền Thăng Long (An Nam đô hộ phủ thế kỷ VII) qua thời Đinh - Tiền Lê, phát triển mạnh dưới thời Lý, Trần, Lê và thành Hà Nội dưới triều Nguyễn. Đây là công trình kiến trúc đồ sộ, được các triều vua xây dựng trong nhiều giai đoạn lịch sử và trở thành di tích quan trọng bậc nhất trong hệ thống các di tích Việt Nam.



Hoàng thành Thăng Long

Xuất phát từ Chiếu dời đô của vua Lý Thái Tổ vào năm 1010, kinh thành chính thức dời về Thăng Long (tên trước đó là Đại La) và các công trình dần được xây dựng. Trong đó nổi bật nhất là đại công trình hoàng thành với mô hình “Tam trùng thành quách”. Theo đó thành gồm có 3 vòng: La thành, Hoàng thành, Tử cấm thành. Giữa La Thành và Hoàng thành là nơi sinh sống của người dân, vòng trong cùng là nơi sinh sống của vua và gia đình hoàng gia. Hoàng Thành Thăng Long có tổng diện tích lên đến 18,000 ha, gồm các công trình nổi bật như cổng thành, cung điện, khu khảo cổ...

Vào ngày 31/7/2010, UNESCO đã thông qua nghị quyết công nhận khu Trung tâm hoàng thành Thăng Long - Hà Nội là di sản văn hóa thế giới.

- Thành Nhà Hồ

Thành nhà Hồ thuộc xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá, nằm cách trung tâm thành phố 45km, cách Hà Nội 140km. Thành nhà Hồ Vĩnh Lộc từng là kinh đô của nước Việt Nam và hiện tại trở thành cảnh đẹp Thanh Hoá, được nhiều du khách ghé thăm.



Thành Nhà Hồ

Thành nhà Hồ khi ấy có tên là thành Tây Đô, được vua Trần Nhân Tông giao cho quyền thần Hồ Quý Ly xây dựng vào năm 1397. Hồ Quý Ly cũng chính là người lập ra triều đại nhà Hồ vào năm 1400. Thành nhà Hồ bắt đầu khởi công vào mùa xuân năm Đinh Sửu. Mục đích của việc xây thành này là để buộc vua Trần Nhân Tông phải dời kinh đô từ Thăng Long về Thanh Hóa, nhằm lật đổ triều Trần. Đến năm 1400, Hồ Quý Ly lên ngôi vua, lấy quốc hiệu là Đại Ngu. Thành nhà Hồ chính thức trở thành kinh đô của triều đại mới. Thành nhà Hồ được xây dựng chỉ trong vòng 3 tháng, sau đó được tiếp tục hoàn thiện cho đến năm 1402. Nơi này có địa thế khá hiểm trở với núi non dựng đứng, sông nước bao quanh, vừa có ý nghĩa chiến lược trong phòng thủ quân sự, vừa phát huy được ưu thế giao thông đường thủy. Thành nội có hình chữ nhật dài 870,5m theo chiều Bắc - Nam và 883,5m chiều Đông - Tây. Bốn cổng thành Nam - Bắc - Tây - Đông gọi là tiền hậu - tả - hữu. Các cổng của thành nội đều xây kiểu vòm cuốn, đá xếp múi, các phiến đá được xây dựng đặc biệt lớn. Thành nhà Hồ có trình độ kỹ thuật xây vòm đá rất cao. Các phiến đá nặng

hàng chục tấn được ráp với nhau một cách tự nhiên, không chất kết dính mà vẫn còn tồn tại sau 600 năm.

Thành nhà Hồ là tòa thành kiên cố với kiến trúc độc đáo bằng đá có quy mô lớn hiếm hoi ở Việt Nam. Ngày 27/6/2011, sau 6 năm đệ trình hồ sơ, Thành nhà Hồ đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới.

Di sản thiên nhiên thế giới

- Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng

Vườn quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng nằm ở phía Bắc dãy núi Trường Sơn (tọa độ từ 17°21' tới 17°39' vĩ bắc và từ 105°57' tới 106°24' kinh đông), thuộc địa phận các xã Tân Trạch, Thượng Trạch, Phúc Trạch, Xuân Trạch và Sơn Trạch thuộc huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình được UNESCO công nhận là Di sản thiên nhiên thế giới theo tiêu chí địa chất, địa mạo năm 2003, và được UNESCO công nhận lần 2 là Di sản thiên nhiên thế giới với tiêu chí đa dạng sinh học, sinh thái vào ngày 3 tháng 7 năm 2015. Vườn quốc gia này giáp khu bảo tồn thiên nhiên Hin Namno ở tỉnh Khammouan, Lào về phía tây, cách Biển Đông 42 km về phía đông kể từ biên giới của hai quốc gia. Phong Nha – Kẻ Bàng là một vườn quốc gia của Việt Nam, nằm tại huyện Bố Trạch và Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, cách thành phố Đồng Hới khoảng 50 km về phía Tây Bắc, cách thủ đô Hà Nội khoảng 500 km về phía nam.



Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng

Vườn Quốc gia Phong Nha – Ke Bang là địa điểm du lịch đầy thú vị, đặc trưng của vườn quốc gia này là các kiến tạo đá vôi, 300 hang động, các sông ngầm và hệ động thực vật quý hiếm nằm trong Sách đỏ Việt Nam và Sách đỏ thế giới.

Nơi đây còn được mệnh danh là “Trung tâm du lịch mạo hiểm Châu Á” với những hành trình du lịch mạo hiểm, thám hiểm chất lượng mang đẳng cấp Quốc tế.

- Vịnh Hạ Long

Vịnh Hạ Long là một vịnh nhỏ thuộc phần bờ tây vịnh Bắc Bộ tại khu vực biển Đông Bắc Việt Nam, bao gồm vùng biển đảo của thành phố Hạ Long thuộc tỉnh Quảng Ninh. Là trung tâm của một khu vực rộng lớn với vịnh Bái Tử Long phía Đông Bắc và quần đảo Cát Bà phía Tây Nam. Cảnh quan non nước ngoạn mục trên Vịnh được kiến tạo bởi hơn 1600 hòn đảo đá vôi lớn nhỏ trên làn nước xanh ngọc lục bảo đặc trưng của Vịnh Hạ Long. Đây cũng là nơi chứng kiến những thay đổi trong lịch sử phát triển của Trái đất. Các cột đá vôi được bao phủ bởi các hàng cây nhiệt đới xanh thắm, cùng hệ thống hang, động đá vôi kỳ vĩ. Vịnh Hạ Long được UNESCO công nhận là Di sản Thiên nhiên Thế giới lần đầu tiên vào năm 1994 nhờ những giá trị cảnh quan tự nhiên độc đáo và quan trọng về mặt thẩm mỹ. Năm 2000, Vịnh Hạ Long vinh dự lần thứ hai được công nhận bởi những giá trị địa chất địa mạo đặc trưng, qua quá trình Trái đất kiến tạo trong hàng tỉ năm.



Vịnh Hạ Long

Đây là một trong những điểm đến hấp dẫn bởi điểm nhấn là du lịch sinh thái biển đa dạng, hấp dẫn gồm các bãi biển, các hang động. Bên cạnh đó, Vịnh Lan Hạ, Đảo Soi Sim, Đảo Tuần Châu... là một trong những địa điểm khám phá đầy thú vị.

Di sản văn hóa hỗn hợp thế giới

- Quần thể danh thắng Tràng An, Ninh Bình

Tràng An là một trong những nơi có cảnh quan tháp karst đẹp(Địa hình karst là địa hình của các kiểu phân rã đặc trưng thông thường được đánh dấu bởi các hệ thống thoát nước theo hang động ngầm dưới đất) và quyến rũ nhất trên thế giới. Phũ lên cảnh quan là thảm rừng và các tháp dạng nón hùng vĩ cao 200m, với các hồ trùng hợp khép kín, bao quanh bởi các sông núi nối liền nhau, các đầm lầy thông nhau qua hệ thống suối xuyên ngầm có chiều dài lên tới 1 km. Ngoài ra, nơi đây còn sở hữu di tích danh thắng nơi đây đã được Chính phủ Việt Nam xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt quan trọng như Khu du lịch sinh thái Tràng An, khu du lịch Tam Cốc - Bích Động, chùa Bái Đính, cố đô Hoa Lư.



Quần thể danh thắng Tràng An, Ninh Bình

Ngày 23/6/2014, tại Doha, với sự đồng thuận tuyệt đối của Ủy ban Di sản thế giới, Quần thể danh thắng Tràng An chính thức trở thành di sản thế giới hỗn hợp đầu tiên của Việt Nam.

Di sản văn hóa phi vật thể thế giới

Theo thống kê của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, tính đến cuối năm 2022, Việt Nam có 395 di sản văn hóa phi vật thể được đưa vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, trong đó có 15 di sản đã được UNESCO ghi danh vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

- Nhã nhạc cung đình Huế

Nhã nhạc là âm nhạc cung đình thời phong kiến, được trình diễn trong các dịp triều hội, tế lễ hoặc các sự kiện trọng đại (lễ đăng quang của nhà vua, tiếp đón sứ thần...).



Nhã nhạc cung đình Huế

Theo sử sách, Nhã nhạc ra đời vào triều Lý (1010 - 1225) và hoạt động một cách quy củ vào thời Lê (1427 - 1788). Đến thời nhà Nguyễn, Nhã nhạc cung đình Huế phát triển rực rỡ và đạt đến độ hoàn chỉnh nhất. Đặc trưng của Nhạc cung đình là tính bao trùm đối với tất cả các bộ môn âm nhạc khác, từ Lễ nhạc (dùng tế lễ lớn nhỏ của cung đình, trong các chùa miếu), nhạc thánh phòng, sân khấu, kể cả các vũ điệu, mà mỗi bộ môn đều có những nghệ sĩ chuyên sáng tạo và biểu diễn. Các quy định về quy mô dàn nhạc, cách thức diễn xướng, nội dung bài bản... của Nhã nhạc đều rất chặt chẽ, phản ánh tính quy củ qua các định chế thẩm mỹ rất cao, có khả năng phản ánh tư tưởng, quan niệm triết lý của chế độ quân chủ đương thời.

Giá trị cơ bản: Loại hình âm nhạc này rất phong phú về nội dung và tinh thần, được xem như một phương tiện liên lạc, hình thức thể hiện sự tôn kính đến các vị thần linh và bậc đế vương, trở thành một biểu tượng cho vương quyền về sự trường tồn, hưng thịnh của triều đại. Nhã nhạc còn phục vụ như một phương tiện cho việc truyền đạt những ý nghĩa mang tính triết lý và những khía cạnh về vũ trụ của người Việt Nam.

Ngày 7/11/2003, nhã nhạc cung đình Huế được UNESCO công nhận là Kiệt tác truyền khẩu và DSVHPVT của nhân loại. Theo đánh giá của UNESCO, trong các thể loại nhạc cổ truyền ở Việt Nam, nhã nhạc đạt tới tầm vóc quốc gia.

- Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên

Không gian văn hóa Cồng Chiêng Tây Nguyên trải rộng trên địa bàn năm tỉnh: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng.

Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên bao gồm các bộ phận cấu thành như: cồng chiêng, các bản nhạc tấu bằng cồng chiêng, những người chơi cồng chiêng, các lễ hội có sử dụng cồng chiêng, những địa điểm tổ chức các lễ hội đó...



Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên

Cồng chiêng gắn bó mật thiết với cuộc sống của người dân Tây Nguyên, như một phần không thể thiếu trong suốt vòng đời mỗi con người và trong hầu như tất cả các sự kiện quan trọng của cộng đồng: từ lễ thổi tai cho trẻ sơ sinh, lễ cưới xin, lễ tiễn đưa người chết, lễ đâm trâu trong ngày bỏ mả cho đến lễ cúng máng nước, lễ mừng lúa mới, lễ đóng cửa kho, lễ mừng nhà Rông mới...

Giá trị cơ bản : Cồng, chiêng là vật thiêng gắn với đời sống tâm linh của người dân Tây Nguyên: diễn tả niềm vui, nỗi buồn trong cuộc sống, lao động và sinh hoạt hàng ngày; là cầu nối giữa con người, thần linh và thế giới siêu nhiên; chứa đựng bên trong mỗi chiếc chiêng, chiếc cồng là một vị thần. Cách chơi cồng, chiêng cũng như lễ hội của mỗi dân tộc ở Tây Nguyên có nét đặc sắc riêng. Do vậy, không gian văn hóa cồng chiêng góp phần khẳng định bản sắc văn hóa của mỗi dân tộc ở Tây Nguyên.

Ngày 25/11/2005, Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên đã chính thức được UNESCO công nhận là Kiệt tác truyền khẩu và DSVHPVT của nhân loại.

- Dân ca Quan họ

Quan họ là những làn điệu dân ca của vùng Đồng bằng Bắc Bộ, tập trung chủ yếu ở vùng Kinh Bắc (Bắc Ninh và Bắc Giang). Đây là hình thức hát đối đáp giữa

nam và nữ để biểu lộ tâm tình, ca tụng tình yêu thông qua những câu ca mộc mạc, đầm thắm. Hầu hết các bài Quan họ đều theo thể lục bát hay lục bát biến thể.

Quan họ được thực hành trong các hoạt động văn hóa, xã hội của cộng đồng; được cộng đồng lưu giữ, trao truyền qua nhiều thế hệ, trở thành bản sắc của địa phương và lan tỏa trở thành không gian văn hóa đặc thù. Nó còn được gọi là dân ca quan họ Kinh Bắc do được hình thành và phát triển ở vùng văn hóa Kinh Bắc xưa, đặc biệt là khu vực ranh giới hai tỉnh Bắc Giang và Bắc Ninh ngày nay.



Dân ca Quan họ

Giá trị cơ bản : Giá trị của Dân ca Quan họ cổ truyền không chỉ ở những giai điệu đặc sắc, lời ca tinh tế, giàu triết lý, mà còn ở phong cách, trang phục lịch sự, trang nhã và những lễ lới, tập quán đặc trưng kèm theo nó. Đặc biệt, việc thường xuyên thực hành dân ca Quan họ trong các hoạt động văn hóa - xã hội của cộng đồng đã tạo nên bản sắc địa phương và không gian văn hóa đặc thù của vùng Kinh Bắc. Ngày 30/9/2009, UNESCO đã chính thức công nhận Quan họ là DSVHPVT của thế giới.

- Hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc

Hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc (Hà Nội) gắn với truyền thuyết về một cậu bé được mẹ sinh ra một cách kỳ lạ ở làng Phù Đổng. Hội Gióng ở đền Phù Đổng (xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm - nơi Thánh Gióng sinh ra) diễn ra từ ngày 7/9 tháng tư Âm lịch. Hội Gióng ở đền Sóc (xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn nơi Thánh hóa, cưỡi ngựa về trời) diễn ra từ ngày 6/8 tháng Giêng Âm lịch.



Hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc

Giá trị cơ bản: Hội Gióng là lễ hội truyền thống tưởng nhớ và ca ngợi chiến công của người anh hùng Thánh Gióng, một trong tứ bất tử của tín ngưỡng dân gian Việt Nam.

Ngày 16/11/2010, Hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc chính thức được UNESCO công nhận và ghi danh vào Danh sách DSVHPVT đại diện của nhân loại.

- Ca trù

Ca trù (hay còn gọi là hát ả đào) có vị trí đặc biệt trong kho tàng âm nhạc truyền thống của Việt Nam, gắn liền với lễ hội, phong tục, tín ngưỡng, văn chương, tư tưởng và triết lý sống của người Việt.



Ca trù

Về âm nhạc, ba loại nhạc cụ là đàn đáy, phách và trống, trải qua quá trình sử dụng lâu dài đã trở nên những nhạc khí đặc trưng của ca trù, góp phần đưa ca trù trở thành một thể loại thanh nhạc kinh điển của Việt Nam. Trên thế giới, ít có một bộ môn nghệ thuật nào chỉ có ba người cùng với nhạc cụ đàn đáy, cổ phách, trống châu phối hợp lại mà thành cả thơ, nhạc, tiết tấu, thể điệu... làm mê hoặc lòng người như ca trù. Loại hình nghệ thuật này rất phổ biến trong đời sống sinh hoạt văn hóa ở Việt Nam từ đầu thế kỷ XX trở về trước.

Giá trị cơ bản: Đóng góp của Ca trù vào văn hóa Việt Nam thật lớn. Từ Ca trù, một thể thơ hết sức độc đáo ra đời và trở nên có vị trí sáng giá trong dòng văn hoặc chữ Nôm của dân tộc. Đó là thể thơ hát nói, được ưa chuộng qua nhiều thế kỷ. Về mặt âm nhạc, có hai loại nhạc khí là đàn Đáy và Phách, trải qua quá trình sử dụng lâu dài đã trở thành những nhạc khí đặc trưng của Ca trù, góp phần đưa Ca trù trở nên một thể loại thanh nhạc kinh điển của Việt Nam.

Ngày 1/10/2009, ca trù đã được UNESCO ghi danh vào Danh sách Di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại.

- Hát Xoan Phú Thọ

Hát Xoan còn có tên gọi khác là Hát Lãi Lèn, Hát Đúm, Hát Thờ, Hát Cửa đình, bắt nguồn từ hình thức hát thờ các Vua Hùng. Những làng gốc có hát Xoan là những làng cổ nằm ở trung tâm nước Văn Lang xưa, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ ngày nay. Các làng này gồm An Thái, Phú Đức, Kim Đôi và Thít thuộc các xã Kim Đức và Phượng Lâu (TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ). Nghệ thuật này còn lưu lại nhiều nét văn hóa cổ từ thời các Vua Hùng dựng nước.



Hát Xoan Phú Thọ

Đây là một trong những nét sinh hoạt văn hóa độc đáo của nhân dân Phú Thọ. Nghệ thuật Hát Xoan khi được trình diễn đầy đủ sẽ diễn ra theo các chặng sau: Hát Thờ (tưởng nhớ các Vua Hùng, các vị thần, những người có công với dân, với nước và tổ tiên của các dòng họ), Hát Nghi lễ (ca ngợi thiên nhiên, con người, đời sống sản xuất, sinh hoạt của cộng đồng), Hát Hội (bày tỏ khát vọng trong cuộc sống, tình yêu nam nữ với những làn điệu đậm chất trữ tình, vui nhộn, được thể hiện qua hình thức hát đối đáp giữa trai, gái làng sở tại, kếp của phường Xoan...).

Giá trị cơ bản: Hình thức và nội dung Hát Xoan gắn với thiên nhiên, con người, đời sống sản xuất của tỉnh Phú Thọ và phong tục thờ cúng tổ tiên của người Việt. Qua bài hát và điệu nhảy, người dân bày tỏ lòng biết ơn đến tổ tiên, các vị vua Hùng và cầu mong hạnh phúc, thời tiết thuận lợi và mùa màng bội thu.

Ngày 24/11/2011, Hát Xoan được ghi danh vào Danh sách DSVHPVT cần bảo vệ khẩn cấp của nhân loại. Và ngày 08/12/2017, Hát Xoan được UNESCO đưa ra khỏi Danh sách DSVHPVT cần bảo vệ khẩn cấp để ghi danh vào Danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

- Đờn ca tài tử Nam Bộ

Được ghi tên vào Danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại năm 2013, nghệ thuật đờn ca tài tử là một phần không thể thiếu trong sinh hoạt tâm linh và di sản văn hóa của người dân miền Nam Việt Nam.

Đờn ca tài tử là loại hình nghệ thuật dân gian đặc trưng của vùng Nam Bộ, hình thành và phát triển từ cuối thế kỷ XIX trên cơ sở của nhạc lễ, nhã nhạc cung đình Huế và văn học dân gian. Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ không ngừng được sáng tạo nhờ tính ngẫu hứng và sự biến hóa theo cảm xúc của người thực hành trên cơ sở của 20 bài gốc (bài Tổ) và 72 bản nhạc cổ.



Đờn ca tài tử Nam Bộ

Nhạc cụ tham gia trình diễn bao gồm: đàn kìm, đàn tranh, đàn tỳ bà, đàn bầu, đàn cò, sáo, tiêu, song loan và hai nhạc cụ của phương Tây (violon và guitar đã được “cải tiến: violon được lên dây quãng 4, còn guitar được khoét phím lõm, để tăng sự nhấn nhá trong điệu đàn).

Những bản nhạc, bài hát gợi lên cuộc sống, công việc của người dân trên vùng đất, sông nước vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Được biểu diễn tại nhiều sự kiện như lễ hội, lễ giỗ và lễ kỷ niệm, “Đờn ca tài tử” có mối liên hệ mật thiết với các phong tục, tập quán văn hóa, truyền khẩu và nghề thủ công.

Giá trị cơ bản: Những người thực hành Đờn ca tài tử Nam Bộ luôn tôn trọng, quý mến, học hỏi nhau về tài nghệ, văn hóa ứng xử, đạo đức..., góp phần gắn kết cộng đồng, xã hội, cùng hướng tới giá trị chân, thiện, mỹ. Thông qua việc thực hành Đờn ca tài tử Nam Bộ, cộng đồng còn góp phần giới thiệu, bảo tồn và phát huy các tập quán xã hội khác liên quan như : lễ hội, văn hóa truyền khẩu, nghề thủ công... Ngày 05/12/2013, Đờn ca tài tử Nam Bộ chính thức được ghi danh vào Danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

- Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương

Theo truyền thuyết, Hùng Vương là con của cha Lạc Long Quân (giống Rồng) và mẹ Âu Cơ (giống Tiên), đã có công dựng nên nhà nước Văn Lang cổ đại. Đối với cộng đồng dân cư xung quanh khu vực Đền Hùng (Phú Thọ), Hùng Vương còn là thần tổ gắn với nghề nông, dạy dân cày ruộng, cấy lúa, ban linh khí cho đất đai, nhà cửa, cây trồng, vật nuôi sinh sôi nảy nở, mùa màng bội thu.

Với niềm tin thành kính này, từ hàng nghìn năm qua, người Việt Nam đã sáng tạo, thực hành, vun đắp và lưu truyền Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương để thể hiện sự biết ơn với vị thủy tổ. Biểu hiện tiêu biểu nhất cho Tín ngưỡng thờ cúng Hùng vương ở Phú Thọ là lễ Giỗ Tổ Hùng Vương, được thực hiện vào ngày 10 tháng 3 Âm lịch hằng năm tại Khu di tích lịch sử Đền Hùng.



Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương

Giá trị cơ bản: Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương là biểu trưng của lòng tôn kính, sự biết ơn, tri ân công đức các vua Hùng.

Ngày 6/12/2012, tín ngưỡng thờ cúng Hùng vương được UNESCO ghi danh vào Danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

- Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh

Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh là hai lối hát dân ca không có nhạc đệm, do cộng đồng hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh sáng tạo, lưu truyền trong quá trình lao động sản xuất và gắn bó chặt chẽ với đời sống sinh hoạt của cộng đồng dân cư xứ Nghệ.

Dân ca Ví, Giặm xứ Nghệ thường được thực hành trong cuộc sống : lúc ru con, khi làm ruộng , chèo thuyền, lúc dệt vải, xay lúa... Bởi vậy, những lối hát này được gọi tên theo các hình thức lao động và sinh hoạt như : Ví phường vải, Ví phường đan, Ví phường nón, Ví phường cửi, Ví trèo non, Ví dò đưa, Giặm ru, Giặm kể, Giặm khuyên...



Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh

Giá trị cơ bản: Dân ca Ví, Giặm gắn bó mật thiết với đời sống người dân và mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc. Về giá trị nghệ thuật, dân ca Ví, Giặm là loại hình độc đáo, phản ánh bản sắc văn hóa của địa phương, thể hiện tài năng, cốt cách của con người xứ Nghệ. Nhiều bài hát giàu tính giáo dục: kính trọng cha mẹ, chung thủy, nghĩa tình, trung thực, góp phần gìn giữ các tập tục, truyền thống tốt đẹp trong ứng xử xã hội ở làng, xã.

Ngày 27/11/2014, Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh chính thức được công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

- Nghi lễ và trò chơi kéo co

Nghi lễ và trò chơi kéo co được thực hành rộng rãi trong văn hóa trồng lúa ở nhiều nước Đông Á với ý nghĩa cầu cho mưa thuận, gió hòa, mùa màng bội thu hay những tiên đoán liên quan đến sự thành công hay thất bại của nỗ lực trồng cấy. Tại Việt Nam, nghi lễ và trò chơi kéo co tập trung ở vùng trung du, Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ với trung tâm là các tỉnh Vĩnh Phúc, Bắc Ninh và thành phố Hà Nội. Bên cạnh đó, di sản còn được thực hành thường xuyên bởi các tộc người ở miền núi phía Bắc như người Tày, người Thái và người Giáy (Lào Cai) - vốn là những cư dân trồng lúa sớm trong lịch sử.



Nghi lễ và trò chơi kéo co

Giá trị cơ bản: Ở Việt Nam, nghi lễ và trò chơi kéo co thường được tổ chức trong dịp lễ hội mùa xuân, đánh dấu sự khởi đầu của một chu kỳ nông nghiệp và bày tỏ mong muốn cho cây trồng bội thu. Đây là di sản mang dấu ấn đậm nét của nghi thức nông nghiệp, tượng trưng cho sức mạnh của các lực lượng tự nhiên tác động đến mùa màng canh tác của con người.

Ngày 02/12/2015, Nghi lễ và trò chơi kéo co ở Việt Nam, Campuchia, Hàn Quốc và Philippines chính thức được UNESCO ghi danh vào Danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

- Thực hành Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt

Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt là sự hỗn dung tôn giáo bản địa của người Việt và một số yếu tố của tôn giáo du nhập như Đạo giáo, Phật giáo.

Nội dung tóm tắt: Tín ngưỡng Thờ Mẫu Tam phủ là một hình thức thờ cúng người Mẹ hóa thân ở các miền trời, sông nước, rừng núi, được hình thành trên nền tảng của tín ngưỡng thờ Nữ thần. Người dân thờ cúng Thánh Mẫu Liễu Hạnh cùng với các vị Thánh Mẫu cai quản miền trời, rừng, nước, những nhân vật lịch sử hoặc huyền thoại có công với nước, với dân. Thông qua các yếu tố văn hóa dân gian như trang phục, âm nhạc, hát chầu văn, múa, diễn xướng dân gian trong lễ hội và lễ hội, người Việt thể hiện quan niệm của mình về lịch sử, di sản văn hóa, vai trò của giới và bản sắc tộc người.

Từ thế kỷ XVI, việc thực hành tín ngưỡng này trở thành một sinh hoạt văn hóa có ảnh hưởng sâu rộng trong đời sống xã hội và tâm thức người dân Việt Nam.



Thực hành Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt

Giá trị cơ bản: Di sản này đề cao những điểm tương đồng văn hóa giữa các cộng đồng và các nhóm người tham gia vào việc thờ Mẫu. Việc thực hành di sản này tại các nhóm dân tộc khác nhau ở Việt Nam sẽ tăng cường đối thoại và thúc đẩy tôn trọng đa dạng văn hóa, góp phần tạo ra sợi dây tinh thần liên kết các cộng đồng thực hành, giúp sáng tạo, làm giàu vốn văn hóa thông qua các yếu tố nghệ thuật như trang phục, vũ đạo và âm nhạc. Ngày 1/12/2016, di sản Thực hành Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt chính thức được UNESCO ghi danh vào Danh sách DSVHPVT đại diện của nhân loại.

- Nghệ thuật Bài chòi

Nghệ thuật Bài Chòi Trung Bộ Việt Nam (ở các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa và Đà Nẵng) ra đời từ nhu cầu liên lạc với nhau giữa các chòi canh trên nường rẫy.

Đây vừa là loại hình nghệ thuật diễn xướng mang tính sáng tạo ngẫu hứng vừa là trò chơi dân gian vui nhộn, đầy trí tuệ (kết hợp âm nhạc, thơ ca, diễn xuất, hội họa và văn học). Bài Chòi có hai hình thức chính: "Chơi Bài Chòi" và "Trình diễn Bài Chòi".



Nghệ thuật Bài chòi

Giá trị cơ bản: Bài chòi là hình thức nghệ thuật diễn xướng có tính sáng tạo, ngẫu hứng, vừa là trò chơi dân gian - hình thức giải trí của cộng đồng khá vui nhộn và giàu tính trí tuệ. Bài chòi chuyển tải nội dung giáo dục về lòng nhân ái, tình yêu quê hương đất nước, phê phán thói hư tật xấu, hướng con người đến những giá trị, chuẩn mực đạo đức cao đẹp. Bài chòi trở thành môi trường thực hành và sáng tạo nghệ thuật cũng như bảo tồn các giá trị văn hóa vùng miền.

Ngày 7/12/2017, Nghệ thuật Bài Chòi Trung bộ Việt Nam chính thức được UNESCO ghi danh vào Danh sách DSVHPVT đại diện của nhân loại.

- Thực hành Then của người Tày, Nùng, Thái

Hát Then là một loại hình diễn xướng dân gian tổng hợp gồm: ca, nhạc, múa và diễn trò. Thực hành Then là nghi lễ không thể thiếu trong đời sống tâm linh của người Tày, Nùng, Thái, phản ánh quan niệm của họ về con người, thế giới tự nhiên và vũ trụ. Thực hành nghi lễ then được dùng trong những sự kiện trọng đại, chúc mừng năm mới hay trong lễ cầu an, giải hạn, cầu mùa, xuống đồng, chúc phúc...



Thực hành Then của người Tày, Nùng, Thái

Giá trị cơ bản: Then phản ánh các quan niệm về con người, thế giới tự nhiên và vũ trụ, góp phần tạo nên bản sắc văn hóa của các tộc người thực hành. Then còn có ý nghĩa trong giáo dục đạo đức, lối sống nhân đạo và bảo vệ các phong tục và truyền thống văn hóa ở mỗi tộc người.

Ngày 13/12/2019, Thực hành Then của người Tày, Nùng, Thái chính thức được UNESCO ghi danh vào Danh sách DSVHPVT đại diện của nhân loại.

- Nghệ thuật Xòe Thái

Nghệ thuật Xòe Thái là loại hình múa truyền thống đặc sắc, chiếm vị trí quan trọng trong đời sống của cộng đồng người Thái ở 4 tỉnh Tây Bắc của Việt Nam là: Lai Châu, Sơn La, Điện Biên, Yên Bái.



Nghệ thuật Xòe Thái

Động tác cơ bản của Xòe là tay giơ lên cao, mở tay ra, hạ tay xuống, nắm lấy tay người bên cạnh rồi cùng bước chân nhịp nhàng, ngực hơi uốn, lưng ngả về phía sau. Âm nhạc cho múa Xòe cũng thể hiện quan điểm về thế giới quan, nhân sinh quan của người xưa. Điều xòe giúp con người quên đi những mệt nhọc của cuộc sống, các đôi trai gái có cơ hội gần nhau hơn để thể hiện tình cảm riêng tư của mình...

Trong khuôn khổ Kỳ họp lần thứ 16 của Ủy ban liên chính phủ Công ước 2003 về bảo vệ DSVHPVT (từ ngày 13 đến 18/12/2021) tại Paris (Pháp), hồ sơ Nghệ thuật Xòe Thái đã được UNESCO ghi danh là DSVHPVT đại diện của nhân loại./.

- Nghệ thuật làm gốm của người Chăm (năm 2022)

Nghệ thuật làm gốm độc đáo của đồng bào Chăm tại làng Bàu Trúc (tỉnh Ninh Thuận) tồn tại từ khoảng cuối thế kỷ XII. Đến nay, Bàu Trúc được xem là một trong số rất ít những làng gốm cổ ở Đông Nam Á còn giữ lại cách sản xuất gốm thô sơ từ ngàn xưa.

Gốm của người Chăm không tráng men và được phơi khô, nung ở ngoài trời bằng củi và rơm trong 7 đến 8 giờ ở nhiệt độ khoảng 8000C. Nguyên liệu (đất sét, cát, nước, củi và rơm) được khai thác tại chỗ. Đất sét được tái sinh theo chu kỳ vài ba năm sau khi khai thác tại cánh đồng Hamu Tanu Halan, bên bờ sông Quao thuộc làng Bàu Trúc (tỉnh Ninh Thuận) và mỏ đất làng Xuân Quang (cách làng Bình Đức, tỉnh Ninh Thuận, 3 km về hướng Tây Bắc). Dụng cụ làm gốm của người Chăm đơn giản do nghệ nhân tận dụng vật liệu tại chỗ như: vòng quơ, vòng cạo (bằng tre) để cạo mỏng thân gốm, và vò sò, vải cuộn thấm nước để chà láng thân gốm. Tri thức và kỹ năng làm gốm được trao truyền cho các thế hệ trong gia đình thông qua thực hành.



Nghệ thuật làm gốm của người Chăm

Giá trị cơ bản: Di sản thu hút sự trao đổi và tương tác giữa những người thực hành nghề, các sinh hoạt xã hội và nâng cao vai trò của người phụ nữ Chăm trong xã hội hiện đại. Di sản gắn liền với nghệ thuật trình diễn dân gian, phong tục tập quán, tín ngưỡng, lễ hội, trong đó có các nghi lễ liên quan đến ông tổ nghề làm gốm của người Chăm. Nghề làm gốm của người Chăm góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa Chăm ở Đông Nam Á.

Ngày 29/11/2022, Nghệ thuật làm gốm của người Chăm chính thức được UNESCO ghi danh vào Danh sách DSVHPVT cần bảo vệ khẩn cấp của nhân loại.

Di sản tư liệu thế giới

- Mộc bản triều Nguyễn

Mộc bản triều Nguyễn là di sản tư liệu thế giới đầu tiên tại Việt Nam được UNESCO công nhận ngày 31/7/2009. Mộc bản triều Nguyễn gồm 34.618 tấm, là những văn bản chữ Hán-Nôm được khắc ngược trên gỗ để in ra các sách tại Việt Nam vào thế kỷ 19, 20. Mộc bản Triều Nguyễn là những bộ “độc bản” chứa đựng nhiều thông tin quan trọng và quý giá, phục vụ việc in ấn, ban cấp cho các nơi. Dưới Triều Nguyễn, khối tài liệu này được xem như “quốc bảo” chỉ những người có thẩm quyền mới được tiếp xúc. Trong kho tàng Mộc bản Triều Nguyễn có nhiều bộ sách được các nhà nghiên cứu đánh giá là những bộ chính sử, chính văn có giá trị cao, thể hiện tính pháp lý và tính xác thực bởi những thông tin khắc trên Mộc bản.

Giá trị nội dung của khối tài liệu thể hiện ở việc biên soạn rất công phu, là những bộ biên niên sử gỗ khắc về lịch sử dân tộc trải qua các thời kỳ.

- Bia tiến sĩ Văn Miếu - Quốc Tử Giám

Tất cả 82 bia tiến sĩ đều được chế tác theo cùng một phong cách: bia dẹt, trán cong, hình vòm. Các tấm bia được đặt trên lưng rùa, rùa được tạo dáng theo một phong cách chung: to, đậm và chắc khỏe. Cách thức sử dụng bia cũng rất độc đáo: đá dựng bia được lựa chọn kỹ càng, sau đó được thiết kế, trang trí, chạm khắc các hoa văn và bài ký. Vì được làm hoàn toàn bằng tay nên công việc này đòi hỏi sự nhẫn nại và khéo léo của những người thợ.



Bia tiến sĩ Văn Miếu - Quốc Tử Giám

82 bia đá tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám (Hà Nội) là những tấm bia tiến sĩ duy nhất trên thế giới có bài ký (văn bia) không chỉ lưu danh các tiến sĩ đã thi đỗ trong các kỳ thi trải dài suốt gần 300 năm (từ 1442 đến 1779) mà còn ghi lại lịch sử các khoa thi và triết lý của triều đại về việc giáo dục, đào tạo, sử dụng nhân tài. Các bài văn bia còn ghi rõ ngày tháng dựng bia, tên của người soạn văn bia, người dựng bia. Điều này khẳng định tính xác thực, nguyên bản và duy nhất của tư liệu. Các văn bia đều do những danh nhân văn hóa, trí thức lớn của đất nước biên soạn nên về cơ bản chúng là những tác phẩm văn học vô giá.

Với giá trị văn hóa và lịch sử đặc biệt, đầu tháng 3/2010, 82 tấm bia tiến sĩ của các khoa thi dưới triều Lê - Mạc (1442-1779) tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám (Hà Nội) đã được UNESCO công nhận là Di sản tư liệu thế giới.

- Mộc bản Kinh Phật chùa Vĩnh Nghiêm

Các mộc bản đang lưu trữ tại chùa Vĩnh Nghiêm, làng Đức La, xã Trí Yên, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang - ngôi chùa cổ xây dựng vào đầu triều Lý (1010-1225), mang những giá trị lịch sử, văn hóa đặc biệt trên nhiều lĩnh vực của Việt Nam. Theo các nhà nghiên cứu, 3.050 tấm mộc bản bằng chữ Hán và Nôm, số ít bằng chữ Phạn được khắc từ thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XX. Nội dung trong mộc bản là các kinh, sách do Tam tổ Trúc Lâm là Trần Nhân Tông, Pháp Loa và Huyền Quang cùng các hệ phái kế tiếp biên soạn. Các mộc bản quý có ý nghĩa quan trọng trong việc đánh giá quá trình tự chủ trong tư tưởng, văn hóa của dân tộc; giúp nghiên cứu sự phát triển về ngôn ngữ, hệ thống văn tự Việt, từ chỗ sử dụng chủ yếu chữ Hán sang coi trọng và chủ động sử dụng chữ Nôm, ngôn ngữ của người Việt ra đời từ thế kỷ XI.

Trong hệ thống mộc bản, ngoài phần kinh và giới luật là văn bản tôn giáo, có nhiều tác phẩm văn học, các tài liệu giá trị về mỹ học, y học, quá trình giao thoa văn hóa...

Chùa Vĩnh Nghiêm được mệnh danh là “Đại danh lam cổ tự”, một trung tâm Phật giáo lớn nhất của thời Trần. Với các giá trị khoa học, lịch sử đặc biệt, các cơ quan chức năng đã xây dựng hồ sơ trình UNESCO đề nghị công nhận mộc bản kinh Phật chùa Vĩnh Nghiêm là Di sản Tư liệu Thế giới. Ngày 16/5/2012, bộ 3.050 mộc bản ở chùa Vĩnh Nghiêm đã vinh dự được UNESCO công nhận là Di sản tư liệu thuộc Chương trình Ký ức thế giới khu vực châu Á - Thái Bình Dương.



**“Kinh hoa nghiêm” trong số các mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm
- Châu bản triều Nguyễn**

Gia Long

NĂM TRI VỊ 1802

Hoàng đế Gia Long phê duyệt trên Châu bản không nhiều,
Tên thật là Nguyễn Phúc Ánh, húy là **Chữ và Noãn**
chủ yếu là những văn bản có nội dung kê khai dân số
Sinh ngày 15 tháng Giêng năm Nhâm Ngọ (08/2/1762)
của trường duyệt tuyển địa phương. Điều này thể hiện
Lên ngôi ngày 2 tháng Năm năm Nhâm Tuất (01/6/1802)
Hoàng đế rất quan tâm đến vấn đề quân sự quốc phòng.
Trị vì 18 năm (1802 - 1820)
Ngoài ra, Hoàng đế Gia Long còn phê duyệt lên các văn bản là các bài thuốc
Mất ngày 19 tháng Chạp năm Kỷ Mão (03/2/1820)
Ngự y Viện Thái y kê dùng để chữa trị bệnh cho ông trong những ngày cuối đời.
Miếu hiệu **Thế Tổ Cao Hoàng đế**

Emperor Gia Long did not make comments on lots of Imperial records, mainly documents, instead of, with the content of census presented by the soldiers recruitment office in the localities. This shows that the Emperor was very concerned about military defense.
In addition, Emperor Gia Long also approved the texts that were remedies proposed by the Royal physician of the Imperial Medical Office to treat his illness in the last days of his life.



正理康健



Hoàng đế Gia Long châu phê trên bản khai
ngày 23 tháng 11 năm Gia Long thứ 18 (1819)
của Viện Thái y về việc xin dâng thang Bất vị hoàn
và thang Li trung:

**Tiết Tiểu hàn đã qua, thời tiết đang dần dần ấm áp,
chính là lúc mong được khỏe mạnh!**

Emperor Gia Long personally approved the text of the petition for the medicine
of the Institute of Royal Medicine regarding for the king's health

© TTUTQG VNAC I

Châu bản triều Nguyễn

Châu bản là những văn bản của vương triều đã được nhà vua “ngự phê” bằng mực son đỏ. Châu bản triều Nguyễn là các tài liệu hành chính được hình thành trong quá trình quản lý nhà nước của triều Nguyễn (1802 - 1945), triều đại cuối cùng trong lịch sử phong kiến Việt Nam, bao gồm văn bản của các cơ quan trong bộ máy chính quyền trung ương và địa phương trình lên nhà vua phê duyệt, văn bản các vua ban hành cùng một số văn kiện ngoại giao và thơ văn ngự chế. Châu bản triều Nguyễn đã được UNESCO công nhận là di sản tư liệu thế giới vào năm 2014.

2.1.2. Giải pháp 2

Xác định được những nguyên tắc sử dụng di sản trong dạy học lịch sử 10

+ Nguyên tắc đảm bảo tính khoa học và tính lịch sử. Đây là nguyên tắc tiên quyết để bảo vệ giá trị chân thực của kiến thức. Tính xác thực: Mọi tư liệu về di sản (hình ảnh, số liệu, hiện vật) phải có nguồn gốc rõ ràng, được kiểm chứng bởi các cơ quan chuyên môn hoặc sử liệu tin cậy. Đặt trong bối cảnh: Di sản phải được giải thích gắn liền với hoàn cảnh lịch sử cụ thể đã sản sinh ra nó, tránh việc hiện đại hóa quá khứ hoặc suy diễn chủ quan.

+ Nguyên tắc đảm bảo mục tiêu giáo dục (Tính sư phạm). Di sản được đưa vào bài học phải đóng vai trò là "chất xúc tác" để hoàn thành yêu cầu cần đạt của chương trình. Bám sát nội dung: Không chọn di sản quá xa rời bài học. Ví dụ, khi dạy về văn minh Văn Lang - Âu Lạc, di sản ưu tiên phải là Trống đồng Đông Sơn hoặc Thành Cổ Loa. Vừa sức: Lượng thông tin khai thác từ di sản cần phù hợp với trình độ nhận thức của học sinh lớp 10, không sa đà vào các thuật ngữ khảo cổ học quá chuyên sâu.

+ Nguyên tắc phát huy tính chủ động của học sinh. Thay đổi vai trò của học sinh từ "người nghe" sang "người khám phá". Học tập trải nghiệm: Thay vì giáo viên mô tả, hãy để học sinh tự quan sát di sản, đặt câu hỏi và rút ra nhận xét. Đa dạng hóa hoạt động: Tổ chức các buổi thảo luận nhóm, đóng vai hướng dẫn viên du lịch hoặc xây dựng các dự án học tập về di sản địa phương.

+ Nguyên tắc kết hợp giữa lý thuyết và thực tiễn. Kết nối những trang sử trong sách giáo khoa với những thực thể sống động ngoài đời thực. Giá trị đương đại: Giúp học sinh hiểu được di sản không phải là "đồ cổ" chết lặng, mà đang góp phần phát triển kinh tế, du lịch và khẳng định bản sắc dân tộc hôm nay. Gắn liền địa phương: Ưu tiên khai thác các di sản tại địa phương nơi học sinh sinh sống để tạo sự gần gũi và khơi dậy niềm tự hào quê hương.

+ Nguyên tắc giáo dục thái độ và trách nhiệm (Tính nhân văn) Dạy học về di sản phải hướng đến mục tiêu cuối cùng là bảo tồn. Hình thành ý thức: Xây dựng cho

học sinh thái độ trân trọng, nâng niu các giá trị văn hóa của tiền nhân. Hành động thiết thực: Sau bài học, học sinh cần có ý thức phê phán các hành vi xâm hại di sản và sẵn sàng tham gia các hoạt động bảo vệ di sản tại cộng đồng. Việc áp dụng đồng bộ các nguyên tắc này sẽ biến tiết học Lịch sử 10 trở thành một hành trình khám phá đầy cảm hứng, giúp học sinh yêu thêm lịch sử dân tộc qua những bằng chứng sống động nhất. Để làm rõ hơn cách vận hành của các nguyên tắc trên, chúng ta hãy cùng áp dụng chúng vào một bài học rất đặc sắc trong chương trình Lịch sử 10: Văn minh Champa. Dưới đây là cách triển khai cụ thể dựa trên 5 nguyên tắc đã nêu:

- Áp dụng nguyên tắc Khoa học & Lịch sử .Lựa chọn di sản: Sử dụng khu di tích Thánh địa Mỹ Sơn hoặc Tháp Po Klong Garai. Thực hiện: Giáo viên cung cấp thông tin chính xác về kỹ thuật xây gạch không mạch tón của người Chăm (một bí ẩn kiến trúc đã được khoa học chứng minh) thay vì các truyền thuyết thần bí không căn cứ. Đưa ra các bản vẽ mặt bằng tháp để học sinh thấy được cấu trúc đặc trưng của một đền tháp Champa.

- Áp dụng nguyên tắc Tính sư phạm (Bám sát mục tiêu)

Mục tiêu: Học sinh hiểu được ảnh hưởng của Ấn Độ giáo đến đời sống chính trị và tinh thần của cư dân Champa. Thực hiện: Thay vì bắt học sinh học thuộc lòng tất cả các vị vua, giáo viên cho học sinh quan sát hình ảnh tượng thần Shiva hoặc phù điêu vũ nữ Apsara. Từ đó, hướng dẫn học sinh phân tích: "Tại sao nghệ thuật điêu khắc Champa lại mang đậm dấu ấn tôn giáo?" Áp dụng nguyên tắc Phát huy tính tích cực hoạt động: Tổ chức trò chơi "Nhà khảo cổ học nhí". Thực hiện: Giáo viên đưa ra các mảnh ghép hình ảnh hoặc các hiện vật mô phỏng (như gốm Bàu Trúc). Học sinh phải tự thảo luận để xác định: Đây là cái gì? Nó được dùng làm gì? Nó phản ánh đời sống kinh tế hay văn hóa của người Chăm? Điều này giúp các em tự chiêm lĩnh kiến thức thay vì nghe giảng thụ động.

- Áp dụng nguyên tắc Kết hợp lý thuyết và thực tiễn. Kết nối: Liên hệ giữa văn minh Champa cổ đại với các di sản sống hiện nay. Thực hiện: Giới thiệu về Lễ hội Katê của người Chăm tại Ninh Thuận/Bình Thuận. Cho học sinh xem video ngắn về lễ hội để các em thấy rằng văn minh Champa không hề biến mất mà vẫn đang chảy trong lòng dân tộc Việt Nam đa dạng sắc màu.

- Áp dụng nguyên tắc Bảo tồn và Phát triển Thảo luận: Đặt ra tình huống thực tế: *"Hiện nay, một số di tích Chăm đang bị xâm hại bởi khách du lịch thiếu ý thức (viết vẽ bậy lên gạch cổ). Em sẽ làm gì nếu chứng kiến hành động đó?"* Kết quả: Giúp học sinh hình thành trách nhiệm cá nhân trong việc bảo vệ di sản văn hóa quốc gia.

Bảng so sánh các mức độ tiếp cận di sản trong dạy học

Mức độ	Cách thức thực hiện	Vai trò của học sinh
Minh họa	Giáo viên trình chiếu hình ảnh di sản để minh họa cho bài giảng.	Quan sát thụ động.
Phân tích	Học sinh dựa trên tư liệu di sản để trả lời các câu hỏi tại sao, thế nào.	Tư duy, phân tích.
Thực địa/Dự án	Học sinh tham quan di tích, làm clip, poster hoặc báo cáo về di sản.	Sáng tạo, trải nghiệm thực tế.

2.1.3. Giải pháp 3: Đề xuất một số biện pháp lồng ghép để sử dụng di sản vào dạy học lịch sử lớp 10 một cách hợp lý, khoa học, phù hợp với yêu cầu đổi mới việc dạy học lịch sử hiện nay, đặc biệt đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học về di sản.

Lồng ghép các di sản Việt Nam được UNESCO công nhận trong nội dung dạy học lịch sử lớp 10.

STT	Di sản được Unesco công nhận	Bài , Mục	Sự kiện lịch sử
1	Hoàng Thành Thăng Long, Thánh địa Mĩ Sơn Bia tiến sĩ Văn Miếu Quốc Tử Giám	Bài 1: Hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức lịch sử Mục 1. <i>Lịch sử, hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức.</i>	Phục vụ dạy học phần hình thành kiến thức mới - Khi lấy ví dụ về hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử
2	Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương, Quần thể kiến trúc cổ đô Huế..	Bài 2: Tri thức lịch sử và cuộc sống	Phục vụ dạy học phần khởi động

3	Vịnh Hạ Long Dân ca quan họ Bắc Ninh, Nhã nhạc cung đình Huế, Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên, Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh , Phở cổ Hội An.... Phong Nha Kẻ Bàng...	Bài 3: Sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, di sản thiên nhiên và phát triển du lịch <i>Mục 1. Sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, di sản thiên nhiên</i> <i>Mục 2. Sử học với sự phát triển du lịch</i>	+ Phục vụ dạy học phần khởi động + Phục vụ dạy phần hình thành kiến thức mới <i>1. Sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, di sản thiên nhiên</i> <i>2. Sử học với sự phát triển du lịch</i> + Dạy phần luyện tập.
4	Thực hành Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương Hoàng Thành Thăng Long Quần thể kiến trúc cổ đô Huế Thánh địa Mỹ Sơn	Bài 9: Thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á thời cổ- trung đại <i>Mục 1.</i> <i>Tín ngưỡng và tôn giáo</i> <i>Mục 3.</i> <i>Kiến trúc và điêu khắc</i>	+ Phần khởi động + Phần hình thành kiến thức mới. <i>1. Tín ngưỡng và tôn giáo</i> <i>3. Kiến trúc và điêu khắc</i>
5	Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương	Bài 10: Văn minh Văn Lang - Âu Lạc Mục 2. Thành tựu tiêu biểu	Phần kiến thức mới <i>c. Đời sống tinh thần</i>
6	Thánh địa Mỹ Sơn , Nghệ thuật làm gốm của người Chăm	Bài 11: Văn minh Chăm pa , Văn minh Phù Nam. Mục 1 Văn minh Chăm pa.	Phần kiến thức mới <i>b. Thành tựu tiêu biểu</i>

7	Hoàng thành Thăng Long Thành nhà Hồ Quần thể kiến trúc cổ đô Huế.	Bài 13: Một số thành tựu của Văn minh Đại Việt Mục 1. Thành tựu cơ bản	Phân hình thành kiến thức mới dạy học <i>quá trình phát triển của văn minh Đại Việt</i>
8	Bia Tiến sĩ tại Văn Miếu Quốc Tử Giám, Mộc bản Kinh Phật Chùa Vĩnh Nghiêm Dân ca quan họ Bắc Ninh, Hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc, Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh, Nghệ thuật Bài chòi..... Thành nhà Hồ, Hoàng thành Thăng Long...	Bài 13: Một số thành tựu của Văn minh Đại Việt Mục 1. Thành tựu cơ bản	Phân hình thành kiến thức mới Phục vụ dạy học mục. <i>c. Tư tưởng, tôn giáo</i> <i>d. Giáo dục</i> <i>g. Nghệ thuật</i>
9	Thực hành Then của người Tày, Nùng, Thái. Nghệ thuật Xòe Thái. Nghệ thuật Bài chòi. Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh. Đờn ca tài tử Nam Bộ. Hát Xoan Hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc. Nhã nhạc cung đình Huế. Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên...	Bài 14: Các dân tộc trên đất nước Việt Nam Mục 4. <i>Đời sống tinh thần</i>	+ Phục vụ dạy học phần Khởi động + Phục vụ dạy học phân hình thành kiến thức mới Mục 4. b. Phong tục, tập quán, lễ hội Mục 4. c. Nghệ thuật.

**Các biện pháp lồng ghép di sản Việt được Unesco ghi danh trong dạy học
lịch sử 10**

- Nguyên tắc khai thác và sử dụng di sản để tiến hành bài học trên lớp.
- + Trước khi sưu tầm, giáo viên phải nghiên cứu sách giáo khoa lập bản danh sách các di sản cần sử dụng trong dạy học lịch sử.
- + Công việc sưu tầm tư liệu về di sản do học sinh và giáo viên tiến hành.
- + GV phải tiến hành chọn lọc kỹ và xác minh tính chân thực của các tài liệu về DS.
- + Khi tiến hành soạn giáo án, giáo viên phải chọn những tài liệu điển hình nhất, cần thiết nhất để đưa vào bài giảng. Tránh tình trạng đưa quá nhiều tài liệu dẫn đến quá tải. Sắp xếp có hệ thống phù hợp với tiến trình bài học kết hợp với các phương tiện làm sinh động bài học.
- + Những tài liệu về di sản được sử dụng trong hình thức này như là các phương tiện trực quan, nguồn kiến thức, cần kết hợp chặt chẽ với trình bày miệng và các phương pháp khác.
- + Giáo viên khai thác những tài liệu khác nhau (kết hợp miêu tả, tường thuật về di sản, nhân vật lịch sử) phù hợp với trình độ và khả năng nhận thức của học sinh.

- Khi tiến hành thiết kế bài học GV cần chú ý sau

- Đảm bảo mục tiêu: tích hợp DS vào bài học, vừa truyền đạt kiến thức môn học vừa chuyển tải những giá trị, kiến thức và kỹ năng liên quan đến PTBV
- Nghiên cứu tư liệu liên quan đến DS đã lựa chọn, xác định các thông tin, hình ảnh cần bổ sung để xây dựng nội dung bài học
- Xác định hình thức bổ sung thông tin, hình ảnh:
 - Nghiên cứu thực địa: giúp thu thập thông tin trực tiếp, chi tiết
 - Tìm gặp các chuyên gia, nhà nghiên cứu am hiểu về di sản để phỏng vấn: thu thập thông tin về di sản, xin thông tin về các xuất bản phẩm cập nhật về di sản - Tham khảo thêm các tài liệu mới cập nhật về di sản.

Bài học tích hợp này cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- Chuyển tải đúng và đủ kiến thức môn học theo nội dung chương trình quy định.
- Cân đối giữa thời lượng dành cho kiến thức môn học, hiểu biết về DS và những giá trị, kiến thức và kỹ năng liên quan đến bài học, đảm bảo thời gian tiết học theo quy định.
- Xác định những nội dung cần chuẩn bị trước đối với cả GV và HS để bài học đạt hiệu quả cao.

- Lấy HS làm trung tâm, tạo điều kiện để HS chủ động khám phá kiến thức môn học về DS thông qua phương pháp học tập tích cực.

- Gợi ý một số hoạt động tương tác trong bài học:

- Thuyết trình : cá nhân hoặc nhóm thực hiện

- Đóng kịch : làm việc nhóm, phân vai và nhập vai

- Làm mô hình từ vật liệu sẵn có, để tìm và thuyết trình : Cá nhân hoặc nhóm thực hiện.

- Chụp ảnh theo chủ đề và tạo dựng trưng bày tại lớp : Làm việc nhóm

- Ghi hình, ghi âm phỏng vấn để dựng thành phim giới thiệu về di sản văn hóa: GV/nhà trường thực hiện, nhóm HS thực hiện.

- Mời chuyên gia, nhà nghiên cứu, nghệ nhân nắm giữ DS tới tham gia vào bài học

- Chơi trò chơi liên quan đến nội dung di sản: làm việc nhóm

- Tham quan thực địa (đối với tiết học ngoại khóa)

Các ví dụ về cách lồng ghép di sản văn hóa để tiến hành bài giảng trên lớp.

Ví dụ 1: Ở Bài 9: Thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á thời cổ-trung đại khi dạy phần 1. Tín ngưỡng và tôn giáo

Giáo viên khai thác và sử dụng các di sản :Thực hành Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt , Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương như sau:

Hoạt động 1: Giáo viên tổ chức cho học sinh trao đổi thảo luận để các em hiểu về Tín ngưỡng bằng câu hỏi: *Nêu các hình thức tín ngưỡng dân gian của cư dân Đông Nam Á?* Học sinh trả lời, giáo viên nhận xét chốt ý.

Hoạt động 2: Giáo viên tiếp tục hướng dẫn học sinh tìm hiểu hiểu tín ngưỡng ở Việt Nam bằng câu hỏi : *Ở Việt Nam, có những tín ngưỡng nào được UNESCO công nhận là DSVHPVT của nhân loại ?* Học sinh trả lời, GV nhận xét chốt ý.

Hoạt động 3: Giáo viên trình chiếu các slides cho học sinh xem các hình ảnh về di sản *Thực hành Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt, Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương* và nêu câu hỏi : *Em có hiểu biết gì về di sản này?Hs trả lời, gv chốt ý.*

Thực hành Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt ,Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương là sản phẩm tinh thần gắn với cộng đồng có giá trị về lịch sử, văn hóa, khoa học , thể hiện bản sắc của cộng đồng, không ngừng được tái tạo và lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các

hình thức khác, góp phần tạo cho mỗi người ý thức về bản sắc và sự kế tục, kết nối quá khứ với hiện tại và tương lai.

*** Khi dạy phần 3. Kiến trúc và điêu khắc**

Giáo viên khai thác và sử dụng các di sản : Hoàng Thành Thăng Long, Thành nhà Hồ, Quần thể kiến trúc cổ đô Huế, Thánh địa Mỹ Sơn.

Hoạt động 1: Giáo viên tổ chức cho học sinh trao đổi thảo luận để các em hiểu về Kiến trúc bằng câu hỏi : *Nêu các thành tựu chủ yếu của kiến trúc ở Đông Nam Á?*

Kiến trúc Đông Nam Á chịu ảnh hưởng của nước nào trên thế giới là chủ yếu ? Học sinh trả lời, giáo viên nhận xét chốt ý.

Hoạt động 2: GV tiếp tục hướng dẫn học sinh tìm hiểu kiến trúc ở Việt Nam bằng câu hỏi : *Ở Việt Nam, có những công trình kiến trúc nào được UNESCO công nhận là DSVHVT của nhân loại?* Học sinh trả lời , GV nhận xét chốt ý.

Hoạt động 3: GV trình chiếu các slides cho HS xem các hình ảnh về DS Hoàng Thành Thăng Long, Thành nhà Hồ, Quần thể kiến trúc cổ đô Huế, Thánh địa Mỹ Sơn và nêu câu hỏi : *Em có hiểu biết gì về di sản này?Hs trả lời, GV chốt ý.*

Hoàng Thành Thăng Long , Thành nhà Hồ, Quần thể kiến trúc cổ đô Huế đây là những công trình chịu ảnh hưởng bởi kiến trúc Trung Hoa. Còn Thánh địa Mỹ Sơn chịu ảnh hưởng bởi kiến trúc Ấn Độ. Đây là những di sản không những của Việt Nam mà còn của toàn nhân loại, là sản phẩm vật chất có giá trị về lịch sử, văn hoá, khoa học.

Ví dụ 2: Ở Bài 14: Các dân tộc trên đất nước Việt Nam.

Khi dạy phần : KHỞI ĐỘNG

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi *Ô chữ bí mật*, HS vận dụng kiến thức đã học trong chủ đề 7, hiểu biết của bản thân để trả lời câu hỏi, nêu vấn đề cho HS tìm ô chữ chìa khóa của bài học. HS có quyền chọn bất kì ô chữ nào để giải đố, cá nhân HS nào giải đúng ô chữ sẽ được điểm cộng.

- GV nêu câu hỏi theo các ô chữ mà HS lựa chọn:

+ *Ô chữ số 1 (7 chữ cái): Di sản văn hoá của người Tày, Nùng, Thái được Tổ chức UNESCO ghi danh là di sản văn hoá phi vật thể của nhân loại năm 2009.*

+ *Ô chữ số 2 (10 chữ cái): Không gian văn hoá nào ở Tây Nguyên được Tổ chức UNESCO ghi danh là di sản văn hoá thế giới năm 2005.*

+ Ô chữ số 3 (7 chữ cái): Bí danh của người thiếu niên anh hùng Nông Văn Dền (dân tộc Nùng).

+ Ô chữ số 4 (3 chữ cái): Người anh hùng dân tộc Ba Na, là anh em kết nghĩa của Chủ tịch Cuba F. Castro.

+ Ô chữ số 5 (8 chữ cái): Tác phẩm văn học của Nguyễn Ngọc viết về nhân vật Tnú (A Tranh).

+ Ô chữ số 6 (8 chữ cái): Người anh hùng dân tộc Tày đã dùng cảm lấy thân mình làm giá súng và hi sinh trong kháng chiến chống Pháp (1953).

+ Ô chữ số 7 (6 chữ cái): Kiến trúc nhà ở độc đáo của người Ê Đê.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS lựa chọn các ô chữ hàng ngang theo ý thích, HS vận dụng kiến thức đã học trong chủ đề 7, hiểu biết của bản thân để trả lời câu hỏi.

- HS tìm ô chữ hàng dọc (ô chữ chủ đề).

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

- **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** - GV mời đại diện HS xung phong trả lời:

0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1		H	A	T	T	H	E	N		
2	C	O	N	G	C	H	I	E	N	G
3		K	I	M	Đ	O	N	G		
4			N	U	P					
5	R	U	N	G	X	A	N	U		
6		B	E	V	A	N	Đ	A	N	
7		N	H	A	D	A	I			

Ô chữ chủ đề: **ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC** (Thứ tự : Màu Tím, Đỏ, Xanh da trời, Vàng, Xanh lá cây)

- GV mời đại HS khác nhận xét, trả lời câu hỏi (nếu có ý kiến khác).

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đánh giá, nhận xét, trình chiếu hoàn chỉnh các ô chữ hàng ngang và ô chữ chủ đề.

- GV dẫn dắt HS vào bài học: *Chủ đề 7: Cộng đồng các dân tộc Việt Nam.*

- Mục 4. Đời sống tinh thần

*** Khi dạy phần Mục b. Phong tục, tập quán, lễ hội**

Giáo viên khai thác và sử dụng các di sản: Hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc, Nghi lễ và trò chơi kéo co, Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên như sau:

Hoạt động 1: GV tổ chức cho HS trao đổi thảo luận để các em hiểu về phong tục, tập quán, lễ hội bằng câu hỏi: *Nêu một số phong tục, lễ hội dân gian của các dân tộc trên đất nước Việt Nam?* Học sinh trả lời, giáo viên nhận xét chốt ý.

Hoạt động 2: GV tiếp tục hướng dẫn HS tìm hiểu về phong tục, lễ hội ở Việt Nam bằng câu hỏi: *Ở Việt Nam, có những phong tục, lễ hội nào được UNESCO công nhận là DSVHPVT của nhân loại?* HS trả lời, GV nhận xét chốt ý.

Hoạt động 3: Giáo viên trình chiếu các slides cho học sinh xem các hình ảnh về di sản: Hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc, Nghi lễ và trò chơi kéo co, Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên và nêu câu hỏi: *Em có hiểu biết gì về di sản này?* HS trả lời, GV chốt ý

*** Khi dạy phần c. Nghệ Thuật**

Giáo viên khai thác và sử dụng các di sản : Thực hành Then của người Tày, Nùng, Thái. Nghệ thuật Xòe Thái. Nghệ thuật Bài chòi , Dân ca Ví Giặm Nghệ Tĩnh , Đờn ca tài tử Nam Bộ , Hát Xoan; Nhã nhạc cung đình Huế , Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên như sau:

Hoạt động 1: Giáo viên tổ chức cho học sinh trao đổi thảo luận để các em hiểu về Nghệ thuật bằng câu hỏi: *Nêu các loại hình nghệ thuật biểu diễn của các dân tộc Việt Nam? Hãy lấy ví dụ cụ thể của các dân tộc về loại hình nghệ thuật biểu diễn.* Học sinh trả lời, giáo viên nhận xét chốt ý.

Hoạt động 2: GV tiếp tục hướng dẫn HS tìm hiểu về các loại hình nghệ thuật ở Việt Nam bằng câu hỏi: *Ở Việt Nam, có những loại hình nghệ thuật nào được UNESCO công nhận là DSVHPVT của nhân loại?* HS trả lời, GV nhận xét chốt ý.

Hoạt động 3: GV tiếp tục tổ chức trò chơi cho HS “ Nghe nhạc, nhìn hình ảnh đoán các di sản văn hóa ” Giáo viên trình chiếu các slides cho học sinh xem các hình ảnh về di sản Thực hành Then của người Tày, Nùng, Thái. Nghệ thuật Xòe Thái. Nghệ thuật Bài chòi. Mở một số đoạn nhạc về : Dân ca Ví Giặm Nghệ Tĩnh; Đờn ca

tài tử Nam Bộ; Hát Xoan; Nhã nhạc cung đình Huế; Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên và tổ chức các trò chơi cho HS bằng cách nhìn hình ảnh và nghe nhạc để đoán các DSVHPVT ?*Hs trả lời, GV chốt ý*



Hát quan họ



Nhã Nhạc cung đình Huế



Điệu xòe Thái

Qua đó cho thấy, các loại hình nghệ thuật biểu diễn của dân tộc Việt Nam rất đa dạng, phong phú. Mỗi dân tộc thiểu số lại có những làn điệu, điệu múa và nhạc cụ riêng. Bức tranh văn hóa tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam hiện nay vừa đa dạng vừa thống nhất, vừa truyền thống vừa mang đậm hơi thở của cuộc sống hiện đại.

Như vậy, với biện pháp khai thác, sử dụng DS kết hợp với vừa trao đổi đàm thoại, miêu tả, tường thuật và tổ chức các trò chơi đã hướng dẫn HS nắm vững những kiến thức lịch sử trong SGK tốt hơn, qua đó cũng phát huy được năng lực nhận thức tư duy độc lập và hứng thú của HS, nâng cao chất lượng học tập bộ môn.

Lồng ghép các di sản để dạy tiết thực hành trên lớp

* *Đối với tiết học thực hành* thì vấn đề sử dụng di sản để dạy học lại càng phát huy tác dụng. Đối với việc sử dụng di sản có thể thực hành 2 chủ đề: **Vai trò của sử học và Cộng đồng các dân tộc Việt Nam.**

Ví dụ 1: Thực hành chủ đề: Vai trò của Sử học.

GV tổ chức cho HS thực hành (làm việc theo hình thức nhóm) các nội dung liên quan đến các di sản của Việt Nam được UNESCO công nhận Hoạt động thực hành được tiến hành như sau:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS, yêu cầu mỗi nhóm làm một sản phẩm video hoặc bài thuyết trình bằng pownpoint hoặc sử dụng công nghệ thông tin để xây dựng bài trình bày về một di sản đã cho sẵn, trong vai là một hướng dẫn viên du lịch hãy giới thiệu di sản đó cho khách du lịch, thời gian trình bày mỗi sản phẩm là 5 phút. Mỗi nhóm hoàn thiện sản phẩm trong 1 tuần, Tiết tuần sau sẽ nộp sản phẩm để GV phê duyệt và góp ý. (GV định hướng cách thức thực hành, sản phẩm đầu ra, tiêu chí đánh giá, tiến độ thực hiện, thời gian báo cáo sản phẩm,...)

Việc chuyển giao nhiệm vụ được tiến hành trong tiết đầu tiên của chủ đề để HS có thời gian chuẩn bị, chủ động trước ít nhất 2 tuần. Cụ thể: GV chia lớp ra 4 nhóm và bốc thăm 4 gói câu hỏi sau, nhóm nào bốc thăm thuộc gói câu hỏi nào thì làm gói câu hỏi đó.

Gói 1: Tìm hiểu các DSVHVT và thuyết trình về 1 di sản tiêu biểu nhất.

Gói 2: Tìm hiểu các DSVHPVT, thuyết trình về 1 di sản tiêu biểu nhất.

Gói 3: Tìm hiểu các DS thiên nhiên và DS phức hợp, thuyết trình về 1 DS tiêu biểu nhất.

Gói 4: Tìm hiểu các DS tư liệu kí ức thế giới, thuyết trình về 1 DS tiêu biểu nhất.

Để hoàn thành loại bài tập này, giáo viên hướng dẫn học sinh phương pháp giải quyết như: Đọc báo, sách, tài liệu viết về di sản. GV hướng dẫn cho học sinh trình bày các di sản phải nêu được:

- + Di sản hình thành như thế nào: trong khoảng thời gian nào?
- + Không gian văn hoá của di sản: ở những địa phương nào?
- + Di sản được ghi danh, xếp hạng vào năm nào?
- + Giá trị của các di sản văn hoá?....

Như vậy, việc hướng dẫn học sinh tìm hiểu về di sản có tác dụng lớn trong việc phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu của học sinh.

- Các nhóm làm việc, phân công nhiệm vụ để hoàn thành bài thực hành (GV yêu cầu lập danh sách phân công nhiệm vụ cụ thể theo vai như nhóm trưởng, thư kí, người sưu tầm, người thiết kế, người thuyết trình...). Đây là tiêu chí để các thành viên trong nhóm đánh giá chéo nhau khi tổng kết, cho điểm của nhóm.

- GV nêu sản phẩm đầu ra cho HS cần hoàn thành (Video, clip hoặc sử dụng CNTT để xây dựng bài trình bày, in và báo cáo trên giấy A0); kèm theo tiêu chí đánh giá sản phẩm để định hướng cho HS xây dựng sản phẩm bám sát tiêu chí.

Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đạt
1. Nội dung (giới thiệu đầy đủ những thông tin cần thiết về di sản, không sai kiến thức, có mở rộng thông tin; làm rõ những đặc điểm nổi bật; những giá trị của các di sản,...)	4,0	
2. Hình thức, mỹ thuật thiết kế (hài hòa, sinh động, logic, xen kẽ kênh hình kênh chữ, các video sống động)	2,0	

3. Báo cáo sản phẩm (trình bày lưu loát, có tương tác, có điểm nhấn, không lệ thuộc vào tài liệu...)	3,0	
4. Khác (tinh thần làm việc nhóm, kỹ thuật báo cáo “5 xin”, nhận xét 321, tranh luận, sáng tạo,...)	1,0	

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ thực hành đã bốc thăm, làm ở nhà theo kế hoạch của GV.

- GV yêu cầu HS báo cáo tiến độ theo kế hoạch; góp ý cho các nhóm.
- HS sửa chữa sản phẩm theo góp ý của GV, chuẩn bị tốt sản phẩm để báo cáo trong tiết thực hành trên lớp.
- HS phân vai người báo cáo, rèn kỹ năng báo cáo, góp ý khi thực hành.

Để viết được bài thực hành theo các gói câu hỏi nêu trên sẽ rèn luyện tính hợp tác, giáo tiếp của học sinh, buộc các em phải tìm kiếm tư liệu, xử lý thông tin từ các nguồn tư liệu khác nhau. Như vậy, sẽ giúp học sinh làm việc độc lập để lĩnh hội kiến thức về di sản và các kỹ năng khác trong quá trình tìm tòi, sáng tạo.

Mỗi bài viết của các nhóm là sản phẩm của quá trình học tập thực tế, là thực tiễn hấp dẫn đối với HS vì vấn đề các em đang giải quyết là vấn đề có thực. Điều này sẽ có tác dụng lớn trong việc phát huy tính tích cực và khả năng sáng tạo của các em.

Bước 3: Báo cáo sản phẩm trong tiết thực hành, nhận xét, trao đổi, góp ý các nhóm.

Tiến trình báo cáo sản phẩm thực hành và nhận xét đánh giá như sau:

- Thứ tự báo cáo theo thứ tự của các nhóm đã giao trước. Các nhóm báo cáo áp dụng theo kỹ thuật “5 xin” (xin chào, xin phép, xin lỗi, xin góp ý, xin cảm ơn).
- Khi mỗi nhóm lên báo cáo, các nhóm còn lại được phát phiếu đánh giá (dựa theo tiêu chí do GV đã xây dựng) để theo dõi quá trình trình bày sản phẩm. Sau khi nghe mỗi nhóm báo cáo xong, các nhóm khác có 1 phút hội ý để trao đổi, góp ý cho nhóm bạn theo kỹ thuật “321” (3 lời khen dành cho đội bạn vừa báo cáo sản phẩm, 2 điều muốn trao đổi, góp ý để đội bạn làm tốt hơn lần sau, 1 câu hỏi liên quan đến nội dung vừa báo cáo).
- Nhóm được góp ý sẽ phản hồi trên cơ sở đã lắng nghe, tiếp thu ý kiến các nhóm khác. Việc phản hồi áp dụng kỹ thuật “5 xin” (xin chào, xin cảm ơn, xin tiếp thu lĩnh hội ý kiến, xin giải trình làm sáng tỏ, xin cảm ơn).

Bước 4: GV nhận xét sản phẩm của nhóm báo cáo và những trao đổi giữa các nhóm, trình bày, bổ sung, làm rõ thêm những thông tin liên quan đến những di sản tiêu biểu của Việt Nam. Cuối cùng, GV kết luận, chốt kiến thức cần đạt, HS lắng nghe tự lĩnh hội kiến thức.

Lưu ý: Công tác chuẩn bị này phải được hoàn thành trước khi tiến hành học tiết thực hành. Sau khi hoàn thành công tác chuẩn bị, HS phải báo cáo cho GV và GV phải kiểm tra và duyệt chương trình. Địa điểm học của tiết thực hành: tại phòng máy chiếu hoặc Ti vi kết nối máy tính (Nếu điều kiện trường không có phòng máy chiếu, Ti vi thì giáo viên, học sinh phải chuẩn bị các tranh ảnh, bảng phụ và các nguồn tư liệu khác có kích cỡ phải đảm học sinh dưới lớp quan sát được.)

- Tiến trình dạy học tiết thực hành

+ *Hoạt động 1:* Giáo viên nêu mục đích và chủ đề của tiết học.

+ *Hoạt động 2:* Học sinh làm việc theo những nội dung đã được giáo viên phê duyệt trước đó. Giáo viên đóng vai trò là cố vấn.

+ *Hoạt động 3:* Cuối tiết học, các nhóm nhận xét, đánh giá giữa các nhóm. Cuối cùng giáo viên cũng cố kiến thức, nhận xét và đánh giá cho điểm trực tiếp từng nhóm, những học sinh tích cực hơn trong nhóm sẽ được cộng thêm 1 điểm so với các bạn cùng nhóm (Như người dẫn chương trình, người thiết kế...), đây cũng là một hình thức kiểm tra thường xuyên của học sinh.

Với biện pháp này, giáo viên đã đặt ra vấn đề để học sinh tự tìm hiểu, nghiên cứu lịch sử về các di sản. Phương pháp này rèn luyện tính sẵn sàng và kỹ năng hợp tác, kỹ năng tìm kiếm nguồn tư liệu, kỹ năng phân tích, tổng hợp. Đồng thời khuyến khích, động viên các em kịp thời. Qua đó học sinh nắm vững những kiến thức về lịch sử các di sản Việt Nam trong dòng chảy của lịch sử dân tộc. Đồng thời cũng phát huy được năng lực tìm hiểu lịch sử, năng lực nhận thức lịch sử, năng lực thực hành bộ môn, năng lực vận dụng kiến thức vào cuộc sống. Việc hướng dẫn học sinh tìm hiểu về các di sản còn ý nghĩa lớn trong việc bồi dưỡng hứng thú học tập bộ môn lịch sử cũng như tình yêu quê hương đất nước, tâm lí khám phá tìm tòi của lứa tuổi học sinh THPT.

Tuy nhiên để áp dụng phương pháp này vào giảng dạy tiết thực hành đạt hiệu quả cao thì các giáo viên cần áp dụng một cách linh hoạt để phù hợp giữa dung lượng kiến thức với thời lượng cho phép trong phân phối chương trình quy định, và phải linh hoạt cho từng đối tượng học sinh trên địa bàn trường mình đóng.



***Hình ảnh HS lớp 10 A1-THPT Xuân Trường B
thuyết trình về bài thực hành***



Hình ảnh HS lớp 10 A1 THPT Xuân Trường B thi hát Dân ca quan họ

Giải pháp 4

Lồng ghép di sản văn hóa Việt Nam được UNESCO ghi danh để tổ chức hoạt động ngoại khóa

- Tổ chức trò chơi kéo co.

Kéo co một trong những trò chơi dân gian vẫn luôn được gìn giữ và phát huy cho đến tận bây giờ. Không chỉ thể hiện nét đẹp văn hóa riêng, trò chơi kéo co còn thể hiện sức mạnh của tập thể, sự đoàn kết đồng lòng của người chơi.

Kéo co thường được tổ chức trong các hội thi, các dịp lễ hội. Đây là trò chơi rèn luyện sức mạnh, sự kiên trì và khả năng phối hợp đồng đội.

Để có thể tham gia trò chơi kéo co người chơi cần có một thể lực tốt, sự dẻo dai và kiên trì. Trò chơi

kéo co ở trường THPT thường chơi theo đội, mỗi đội từ 7 – 10 người tham gia. Kéo co là trò chơi vận động nên thường được tổ chức ở nơi rộng rãi, bằng phẳng và sạch sẽ.

Trước khi vào cuộc chơi cần chuẩn bị một số dụng cụ như: một đoạn dây đay, dây thừng dài và mềm, tùy theo điều kiện và tập tục từng nơi sẽ chuẩn bị dụng cụ khác nhau, có nơi sử dụng cây tre nhỏ, dài và thẳng có nơi không cần dụng cụ mà hai đội chơi kéo trực tiếp bằng tay không.

Kẻ một vạch để làm ranh giới giữa hai đội chơi và ở giữa đoạn dây cũng buộc 1 mảnh vải màu để đánh dấu làm mốc phân thắng thua giữa hai đội.

Chia số người chơi thành 2 đội bằng số lượng và cân sức nhau, đứng đối mặt nhau ở hai bên vạch theo hàng dọc, người chơi trong đội nên đứng so le nhau chân trước và chân sau luôn trụ vững, tay cầm vào dây, thông thường người có sức khỏe tốt nhất sẽ đứng đầu hàng.

Trọng tài sẽ là người đứng giữa vạch để ra hiệu lệnh và quan sát hai đội chơi. Trong các cuộc thi chuyên nghiệp ở mỗi đội sẽ có huấn luyện viên theo sát để hướng dẫn và bắt nhịp cho đội của mình.

+ Hướng dẫn cách chơi trò kéo co

Chuẩn bị: Tổ chức thi trò chơi kéo co giữa các lớp cùng khối học. Một người điều khiển bằng còi. Diện tích chỗ chơi đòi hỏi rộng rãi, bằng phẳng, sạch sẽ.

Vạch một vạch làm ranh giới giữa 2 đội.

Có một sợi dây thừng chắc chắn, tùy số lượng người chơi mà độ dài của sợi dây sẽ khác nhau.

Quy luật trò chơi kéo co:

Khi có lệnh mới được kéo (thường là tiếng còi hoặc hô “bắt đầu” của trọng tài).

Đội nào bị kéo ra khỏi vạch ranh giới giữa 2 đội là bên đó thua cuộc.

Mỗi đội đứng một bên đối diện với nhau qua vạch ranh giới, chọn người khỏe nhất đứng đầu hàng, các em đứng sau cùng nắm tay vào dây để kéo, chân đứng ở tư thế chân trước – chân sau chắc chắn. Hai đội đứng thành hàng dọc.

Khi có hiệu lệnh của người điều khiển thì 2 đội bắt đầu dùng sức kéo, đội nào kéo được đối phương qua khỏi vạch ranh giới là đội đó thắng. Toàn đội phải biết hợp lực lại để có được sức mạnh tổng hợp. Trong quá trình kéo, toàn đội vừa kéo vừa đồng thanh hô thật to “hò dô ta nào, hò dô ta nào” hoặc “cố lên” để cả đội cùng có động lực chiến thắng.

Chơi kéo co có lợi ích gì? Rèn khả năng chịu đựng, kiên trì giữ vững đội hình. Rèn luyện thể lực, sức khỏe cho trẻ. Tăng thêm tính tập thể và thi đua của học sinh.



**Trò chơi kéo co của các thầy cô giáo THPT Xuân Trường B nhân dịp
Chào mừng ngày thành lập đoàn 26/03/2025**

Nhìn chung, học tập trải nghiệm là một công cụ mạnh mẽ để dạy các kỹ năng sống quan trọng và giúp học sinh kết nối sâu hơn với kiến thức mà các em thu được trong lớp học.

+ Tham quan có một vị trí quan trọng trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông. Những dấu vết của quá khứ không chỉ cụ thể hóa kiến thức mà còn để lại một ấn tượng mạnh mẽ nâng cao hứng thú học tập và rèn luyện khả năng quan sát, phân tích của học sinh. Các nhà giáo dục học đã khẳng định ý nghĩa tầm quan trọng của tham quan di tích nói riêng và tham quan nói chung trong quá trình dạy học. Nó góp phần tạo biểu tượng cụ thể về những sự kiện lịch sử liên quan. Những gì các em quan sát được trong thời gian tham quan sẽ được sử dụng trong những giờ học lịch sử trên lớp như những tài liệu thực tế, làm cơ sở hình thành các khái niệm lịch sử. Tham quan còn nhằm kiểm tra, sửa chữa, làm chính xác, cụ thể hóa thêm những tri thức đã học của học sinh. Hoạt động này có thể tổ chức vào đầu năm học hoặc nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước hoặc của địa phương.

Để cho buổi tham quan đạt hiệu quả cao, tránh các sự cố xảy ra, cần phải có kế hoạch và phương pháp tiến hành tốt, cụ thể

- Vào đầu năm học, giáo viên lịch sử phối hợp với Đoàn trường, Hội phụ huynh đề xuất với nhà trường kế hoạch đi tham quan DS.

- Xác định rõ mục đích, chủ đề của buổi tham quan

- Tiếp đó, giáo viên liên hệ với Ban quản lý DS, gặp gỡ, trao đổi với cán bộ hướng dẫn, phụ trách DS, trình bày rõ mục đích, yêu cầu của buổi tham quan để cùng có kế hoạch phối hợp. Mặc dù buổi tham quan ngoại khóa không gắn với nội dung chương trình của bài học lịch sử, song vẫn có tác dụng không nhỏ trực tiếp với việc bổ sung kiến thức lịch sử của học sinh. Vì vậy, trong kế hoạch tham quan, giáo viên cần xác định rõ những hiện vật, tài liệu, phù hợp với mục đích, yêu cầu đặt ra.

- Để thu được kết quả cao, giáo viên phổ biến cho học sinh rõ mục đích, yêu cầu của buổi tham quan. Đây là một trong các yếu tố đưa đến sự thành công của hình thức hoạt động này. Một trong những yêu cầu quan trọng đối với học sinh trong khi tham quan là các em cần ghi chép những số liệu, tài liệu do người thuyết minh cung cấp hoặc những ghi chú ở các tư liệu được trình bày.

- Khi vạch kế hoạch tham quan, cần phải ấn định thời gian và phương pháp tiến hành sao cho phù hợp với sức khỏe, trình độ cũng như khả năng nhận thức của học sinh.

- Kết quả của buổi tham quan được đánh giá thông qua việc giáo viên cho học sinh thảo luận hoặc viết các bài thu hoạch.

Ví dụ: Nhân dịp kỉ niệm ngày giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước (30/4). Giáo viên bộ môn lịch sử phối hợp với Đoàn trường, Hội phụ huynh tổ chức cho học sinh đi tham quan Dinh Độc Lập.

Câu hỏi để các em về viết bài thu hoạch:

Câu 1: Qua tham quan Dinh Độc Lập, em hãy cho biết lịch sử ra đời của Dinh Độc Lập.

Cảm nghĩ của em về buổi đi tham quan này.

Ví dụ: Nhân dịp kỉ niệm ngày giỗ tổ Hùng Vương GV phối hợp với đoàn trường cho các em đi trải nghiệm tham quan đền Hùng để các em tưởng nhớ về tổ tiên về những người đã có công dựng nước và giữ nước của dân tộc. Từ đó các em thêm tự hào về truyền thống của cha anh đi trước và bồi đắp thêm tình yêu quê hương đất nước, đoàn kết dân tộc.

2.1.4. Giải pháp 4 . Đề xuất các biện pháp cần bảo tồn các di sản vì sự phát triển bền vững

Bảo vệ di sản không phải là câu chuyện của riêng một cá nhân hay một tổ chức. Đây còn là nghĩa vụ của tất cả mọi người trong một cộng đồng dân tộc. Vào thời kỳ hội nhập, nhịp sống thay đổi không ngừng thì việc bảo vệ các di sản được xem là điều vô cùng cần thiết. Vấn đề này có tác động và ảnh hưởng đến quá trình xây dựng và phát triển đất nước:

Thứ nhất: Tăng cường tuyên truyền, nâng cao ý thức tôn trọng, trách nhiệm bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa cho mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt là đối với thế hệ trẻ. Đây không chỉ là nhiệm vụ của ngành Văn hóa mà là của các ngành, các cấp và toàn xã hội, trong đó cơ quan văn hóa và giáo dục giữ vai trò chủ đạo. Để lan tỏa, phổ biến các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, cần thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống trong nhà trường.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và phát huy tính tích cực của hệ thống thông tin đại chúng, mạng xã hội trong công tác tuyên truyền, lan tỏa các giá trị di sản văn hóa, những phong tục, truyền thống tốt đẹp của con người Việt Nam... Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, không chỉ góp phần lan tỏa các giá trị tốt đẹp, mà còn ngăn chặn có hiệu quả sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa độc hại hay những trào lưu văn hóa không phù hợp với thuần phong, mỹ tục và truyền thống của dân tộc Việt Nam.

Thứ 2: Đầu tư cho cơ sở vật chất : Đầu tư cho việc nghiên cứu, khảo sát về di sản,... Đầu tư cơ sở vật chất, nguồn vốn để bảo tồn di sản; sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm nguồn đầu tư đó. Đầu tư cho nhiệm vụ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để quản lí di sản.

Thứ 3: Tăng cường biện pháp bảo vệ DS: Cần tăng cường năng lực tổ chức, quản lý nhà nước đối với di sản, xã hội hoá công tác bảo vệ, thông qua phát huy vai trò của cộng đồng địa phương, giải quyết hài hoà giữa bảo tồn di sản và phát triển kinh tế xã hội và xử lí kịp thời những vi phạm trong quá trình bảo vệ, khai thác giá trị di sản.

Bên cạnh đó, cần hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về di sản. Văn bản pháp luật càng đầy đủ, chi tiết, cụ thể càng tạo thuận lợi để công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản đạt hiệu quả. Thực tiễn công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản ở nước ta trong thời gian qua đã xảy ra một số trục trặc và những vướng mắc đến nay vẫn chưa được giải quyết thỏa đáng.

Thứ 4: Cần tổng kết, lấy ý kiến của các chuyên gia, các nhà quản lý và hoạt động văn hóa cũng như người dân về các nội dung quản lý di sản ở cơ sở. Chẳng hạn, quy định về tên gọi, chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bộ máy; cơ chế phối hợp quản lý di sản văn hóa trong phạm vi địa phương giữa đơn vị trực tiếp quản lý, bảo vệ di sản văn hóa và các tổ chức, cá nhân liên quan; cơ chế tài chính trong việc trích lại phần trăm từ nguồn thu bán vé của các di sản văn hóa cho việc quản lý, bảo vệ, cho các hoạt động tuyên truyền, quảng bá và công tác bảo tồn DS.

Thứ 5: Cần chú trọng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, những người làm công tác di sản văn hóa. Thực hiện nghiêm Quy định số 284-QĐ/TW ngày 5-2-2010 của Ban Bí thư về Tiêu chuẩn, cơ chế lựa chọn, bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý, tham mưu lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật có đủ năng lực, trình độ và phẩm chất đảm đương công việc

Thứ 6: Coi trọng công tác kiểm tra, hướng dẫn; định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, gắn với sự PTBV đất nước. Sử dụng, bổ nhiệm cán bộ có phẩm chất, năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp. Nghiên cứu tổng kết những mô hình ban quản lý di sản (di tích) hoạt động có hiệu quả và phù hợp với từng loại di tích để nhân rộng trong toàn quốc.

Thứ 7: Tăng cường hợp tác quốc tế về bảo tồn và phát huy giá trị DSVH trên các lĩnh vực nghiên cứu, đào tạo, hợp tác về bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị DSVH,

các hoạt động trưng bày giới thiệu DSVH... Thông qua các hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo tồn và phát huy giá trị DSVH, chúng ta có thể tiếp cận được những quan điểm mới, những cách làm hay của các nước trong việc xử lý các vấn đề chung của thế giới về DS, đồng thời tranh thủ sự ủng hộ của các quốc gia, tổ chức quốc tế đối với DS Việt Nam.

Ưu điểm và Nhược điểm của giải pháp mới

Ưu điểm

Tính trực quan cực cao: Học sinh không còn phải tưởng tượng qua chữ viết mà được nhìn, nghe và cảm nhận. Gắn liền với thực tiễn: Kiến thức Lịch sử 10 trở nên gần gũi, giúp các em thấy được giá trị của lịch sử trong việc phát triển du lịch và kinh tế hiện nay. Phát triển năng lực 4.0: Học sinh được thực hành các kỹ năng số và tư duy sáng tạo.

Nhược điểm

Giáo viên cần đầu tư thời gian để xây dựng kho tư liệu ban đầu. Một số hoạt động yêu cầu học sinh phải có thiết bị di động hoặc lớp học phải có kết nối Internet ổn định.

Nhận xét chung: Các giải pháp này không chỉ giải quyết bài toán "khô, khó, khổ" của môn Lịch sử mà còn thực hiện đúng tinh thần "học đi đôi với hành" của chương trình GDPT 2018, biến mỗi tiết học thành một hành trình khám phá văn hóa đầy tự hào.

2.2 Tính mới, tính sáng tạo của sáng kiến. Tiếp cận "Tĩnh" (Truyền thống): Học sinh tiếp nhận di sản qua kênh chữ (sách giáo khoa) và kênh hình (ảnh 2D). Di sản nằm "im" trên trang giấy, khiến lịch sử trở thành những con số và sự kiện khô khan, khó hình dung. Tiếp cận "Động" (Tương tác số): Sử dụng công nghệ để "đánh thức" di sản. Học sinh không còn đứng ngoài quan sát mà trở thành chủ thể tương tác. Di sản được tái hiện đa chiều, có âm thanh, có không gian và có khả năng phản hồi lại hành động của người dùng. Cốt lõi của tính mới: Chuyển vai trò của giáo viên từ "người truyền thụ duy nhất" sang "người thiết kế trải nghiệm", và học sinh từ "người nghe" sang "người khám phá".

Sự sáng tạo đầu tiên nằm ở chỗ xóa bỏ ranh giới giữa một môn học vốn bị coi là "thuộc bài" (Lịch sử) với các kỹ năng thực tế của thế kỷ 21. Học sinh không chỉ tiếp thu kiến thức mà dùng chính kiến thức đó làm nguyên liệu để phát triển bản thân. Tích hợp kỹ năng thiết kế và công nghệ: Thay vì làm bài kiểm tra trên giấy, học sinh được đóng vai là các nhà thiết kế đồ họa, chuyên viên truyền thông. Các em sử dụng Canva để thiết kế poster, Infographic về di sản, hoặc dựng các video ngắn (TikTok/Reels)

để giới thiệu di sản đến giới trẻ. Ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI): Học sinh có thể sử dụng các công cụ AI (như ChatGPT, Gemini) để đóng vai (role-play) phỏng vấn các nhân vật lịch sử, hoặc dùng AI tạo ảnh để phục dựng lại trang phục, bối cảnh của di sản trong quá khứ dựa trên các tư liệu hàn lâm đã học. Rèn luyện kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm : Học sinh đóng vai là những "Đại sứ Di sản" hoặc "Hướng dẫn viên du lịch ảo", thuyết trình trước lớp về phương án bảo tồn một di sản cụ thể. Giá trị sáng tạo: Kiến thức lịch sử không còn nằm lại trong vở ghi mà biến thành sản phẩm số, sản phẩm truyền thông thực tế. Học sinh học lịch sử thông qua trải nghiệm "nhập vai" và "sáng tạo nội dung".

Tư duy sáng tạo : Lồng ghép "Bảo tồn" vào "Phát triển" Đây là điểm cốt lõi tạo nên chiều sâu tư duy cho học sinh lớp 10. Thay vì chỉ dạy học sinh tự hào về di sản một cách chung chung, đề tài đặt học sinh trước những bài toán thực tế của xã hội đương đại. Đặt ra các tình huống xung đột thực tế (Case study): * *Ví dụ:* Làm thế nào để vừa phát triển du lịch đại trà tại Vịnh Hạ Long kiếm nguồn thu, lại vừa không làm ô nhiễm môi trường nước và rác thải nhựa phá hủy di sản ?

Ví dụ: Có nên thương mại hóa Nhã nhạc cung đình Huế để biểu diễn ở các nhà hàng, quán nước phục vụ du khách, hay bắt buộc phải giữ nguyên bản trong không gian cung đình nghiêm trang? Kích thích tư duy đa chiều (Critical Thinking)

* Học sinh được chia nhóm để tranh biện (Debate) dưới các góc nhìn khác nhau Góc nhìn của Nhà quản lý kinh tế (muốn phát triển, tạo công ăn việc làm) góc nhìn của Nhà bảo tồn (muốn giữ nguyên trạng), và góc nhìn của Người dân địa phương (muốn cải thiện đời sống). Từ đó, các em tự rút ra bài học về "Phát triển bền vững" di sản chỉ có thể tồn tại lâu dài nếu nó "sống" được trong đời sống đương đại, đóng góp vào kinh tế nhưng không bị biến dạng hay hủy hoại.

Bảng so sánh sự chuyển biến trong tư duy học sinh

Tiêu chí	Tiếp cận lối mòn (Truyền thống)	Tiếp cận sáng tạo (Đề tài đề xuất)
Vai trò của học sinh	Người thụ động ghi nhớ giá trị di sản.	Người chủ động giải quyết vấn đề của di sản.
Góc nhìn về di sản	Một chiều (Chỉ thấy di sản là báu vật cần cất giữ, đóng băng).	Đa chiều (Thấy mối quan hệ biện chứng giữa bảo tồn di sản và phát triển kinh tế).

Tiêu chí	Tiếp cận lối mòn (Truyền thống)	Tiếp cận sáng tạo (Đề tài đề xuất)
Sản phẩm học tập	Bài kiểm tra viết, bài thu hoạch lý thuyết.	Poster, video, bài thuyết trình dự án phát triển du lịch bền vững, sản phẩm ứng dụng AI.
Kỹ năng hình thành	Tái hiện kiến thức đơn thuần.	Giải quyết vấn đề, tư duy phản biện, kỹ năng số (Digital literacy), giao tiếp và hợp tác.

Tính sáng tạo của đề tài không dừng lại ở việc "đổi mới phương pháp dạy" mà là "đổi mới mục tiêu dạy". Bạn đang đào tạo ra những công dân toàn cầu: có hiểu biết sâu sắc về cội nguồn dân tộc (lịch sử hàn lâm) , có kỹ năng công nghệ nhạy bén (thiết kế, AI), và có trách nhiệm xã hội lớn lao (tư duy bảo tồn - phát triển). Đây chính là tinh thần cốt lõi của Chương trình Giáo dục phổ thông mới.

2.3. Khả năng nhân rộng của sáng kiến : Với phương pháp này tôi nhận thấy học sinh đã chủ động tích cực tự giác hơn , tăng khả năng tương tác giữa giáo viên và học sinh . Trong quá trình giảng dạy, tôi luôn luôn tìm tòi những phương pháp sáng tạo cho mỗi tiết học của mình . Sự kiên trì và sẵn lòng thử những phương pháp mới giúp học viên chinh phục những thử thách mới, đây cũng là động lực thôi thúc tôi luôn đổi mới phương pháp dạy học để tìm ra phương pháp tối ưu nhất nhằm truyền đạt kiến thức cho học viên một cách dễ hiểu, dễ nhớ. Sáng kiến có tính khả thi cao, không đòi hỏi chi phí tài chính lớn. Các nguồn tư liệu số hầu hết là miễn phí. Có thể áp dụng cho tất cả các khối lớp 10, 11, 12 và các môn học khác như Địa lý, Giáo dục địa phương.

Phạm vi ảnh hưởng:

Đã áp dụng thành công tại tổ chuyên môn trường THPT Xuân Trường B. Có tiềm năng triển khai rộng rãi trong toàn cụm chuyên môn và các trường THPT trên địa bàn tỉnh nhờ vào tính thực quan và hiệu quả rõ rệt.

2. 4 .Hiệu quả áp dụng , lợi ích thu được

Phiếu điều tra thực trạng học sinh khối 10 trước khi áp dụng đề tài

Câu hỏi	Trả lời	% Lựa chọn
Em có hiểu biết gì về các di sản của Việt Nam được UNESCO công nhận?	Biết rất nhiều	10
	Biết vừa phải	15
	Biết ít	75
Em có muốn được học tập và tìm hiểu các di sản của Việt Nam được UNESCO công nhận không?	Rất muốn học tập và tìm hiểu	90
	Muốn học tập và tìm hiểu vừa phải	10
	Không muốn học tập và tìm hiểu	0
Em có muốn tham quan một số di sản văn hóa Việt Nam được UNESCO công nhận không?	Rất thích	100
	Thích vừa phải	0
	Không thích	0
Theo em có cần thiết phải bảo tồn và phát huy các di sản được UNESCO công nhận không?	Rất cần thiết	90
	Cần thiết	10
	Không cần thiết	0
Em có muốn tham gia các hoạt động ngoại khóa về các di sản của Việt Nam được UNESCO công nhận không? Như kéo co, hát dân ca Ví, Dặm..	Rất thích	95
	Thích vừa phải	5
	Không thích	0

tra thu được là 42 bài trong đó số bài đạt điểm giỏi là 20 HS (47,6%), điểm khá là 20 HS (47,6%), số bài đạt điểm trung bình là 2 (4,8%), không có bài bị điểm kém.

Còn ở lớp đối chứng 10A5, giáo viên chủ yếu là sử dụng lối dạy chay, không tích hợp các di sản vào dạy, nên giờ học trầm, không sôi nổi, ít học sinh phát biểu ý kiến. Do vậy, hiệu quả bài học chưa cao. Tổng số bài kiểm tra thu được là 40 bài trong đó số bài đạt loại giỏi là 10 HS (25%), số bài đạt điểm khá là 15 HS (37,5%), điểm trung bình là 15 HS (37,5%), không có bài bị điểm kém.

Lớp	Tổng số bài	Loại giỏi (9-10 điểm)		Loại khá (7-8 điểm)		Loại TB (5-6 điểm)		Loại yếu (4 điểm trở xuống)	
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Lớp đối chứng 10 A5	40	10	25	15	37,5	15	37,5	0	0
Lớp thực nghiệm 10 A1	42	20	47,6	20	47.6	2	4,8	0	0

Qua việc sử dụng DS vào dạy học sẽ góp phần phát triển óc quan sát, trí tưởng tượng, tư duy và ngôn ngữ cho HS. Khi GV cho HS quan sát bất kỳ một hình ảnh nào về các DS thì HS cũng có khả năng nhận xét, phán đoán, hình dung quá khứ lịch sử. Từ đó, rèn luyện cho HS khả năng diễn đạt, phân tích, so sánh, khái quát, đưa ra các đánh giá, nhận xét. Nhờ vậy, các năng lực chuyên biệt của bộ môn lịch sử sẽ được rèn luyện và nâng cao trong mỗi học sinh

Bảng so sánh sự chuyển biến trong tư duy học sinh

Tiêu chí	Tiếp cận lối mòn (Truyền thống)	Tiếp cận sáng tạo (Đề tài đề xuất)
Vai trò của học sinh	Người thụ động ghi nhớ giá trị di sản.	Người chủ động giải quyết vấn đề của di sản.

Tiêu chí	Tiếp cận lối mòn (Truyền thống)	Tiếp cận sáng tạo (Đề tài đề xuất)
Góc nhìn về di sản	Một chiều (Chỉ thấy di sản là báu vật cần cất giữ, đóng băng).	Đa chiều (Thấy mối quan hệ biện chứng giữa bảo tồn di sản và phát triển kinh tế).
Sản phẩm học tập	Bài kiểm tra viết, bài thu hoạch lý thuyết.	Poster, video, bài thuyết trình dự án phát triển du lịch bền vững, sản phẩm ứng dụng AI.
Kỹ năng hình thành	Tái hiện kiến thức đơn thuần.	Giải quyết vấn đề, tư duy phản biện, kỹ năng số (Digital literacy), giao tiếp và hợp tác.

Kết luận

Về tính sáng tạo của đề tài không dừng lại ở việc "đổi mới phương pháp dạy" mà là **"đổi mới mục tiêu dạy"**. Bạn đang đào tạo ra những công dân toàn cầu có hiểu biết sâu sắc về cội nguồn dân tộc (lịch sử hàn lâm), có kỹ năng công nghệ nhạy bén (thiết kế, AI), và có trách nhiệm xã hội lớn lao (tư duy bảo tồn - phát triển). Đây chính là tinh thần cốt lõi của Chương trình Giáo dục phổ thông mới.

2. 5. Hiệu quả áp dụng, lợi ích thu được từ sáng kiến

Hiệu quả về mặt khoa học : Góp phần cụ thể hóa phương pháp dạy học tích hợp và phát triển năng lực theo Chương trình GDPT 2018. Xây dựng được kho học liệu số có giá trị sử dụng lâu dài.

Hiệu quả về mặt kinh tế : Tiết kiệm chi phí tổ chức các buổi tham quan thực tế tốn kém mà vẫn đảm bảo học sinh được tiếp cận hình ảnh di sản chân thực nhất qua công nghệ.

Hiệu quả xã hội: Nâng cao ý thức cộng đồng của thế hệ trẻ trong việc bảo vệ các giá trị văn hóa dân tộc. Học sinh trở thành những "tuyên truyền viên" tích cực giúp quảng bá hình ảnh Việt Nam ra thế giới.

Số liệu minh chứng :Tỉ lệ học sinh yêu thích môn học tăng từ **65% lên 92%.100%** học sinh nhận diện đúng và nêu được giá trị cốt lõi của ít nhất 5 di sản UNESCO tại Việt Nam . Kết quả kiểm tra thường xuyên đạt từ mức Khá trở lên tăng **20%** so với năm học trước.

Hiệu quả quan trọng nhất mà tôi thu nhận được khi áp dụng đề tài này đó là niềm yêu thích của học sinh đối với bộ môn Lịch sử , tiết học cũng vì thế mà trở nên nhẹ

nhàng hơn. Hạn chế được đến mức thấp nhất tình trạng mất tập trung và làm việc riêng vì bản thân các em được hoạt động liên tục theo yêu cầu của giáo viên.

Khi áp dụng phương pháp này tôi nhận thấy học sinh học tập tự giác chủ động, rèn được nhiều kỹ năng. Việc đánh giá hiệu quả của đề tài theo dạng định tính không phải dễ nhưng theo thống kê điểm kiểm tra giữa kì của 2 lớp áp dụng sáng kiến là 10A1 và 10A5 đạt tỷ lệ 100% trên Trung bình, trong đó điểm khá giỏi đạt 95%.

Điều mà tôi mong đợi nhất đó là học sinh ngày càng tự tin hơn, chủ động tự giác hơn trong học tập và được rèn luyện nhiều kỹ năng trong giao tiếp thuyết trình và hoạt động nhóm. Qua việc giao nhiệm vụ này nhiều em đã phát huy được sở trường của mình là sử dụng các phần mềm thiết kế bài và làm powerpol, thuyết trình trước lớp.

Việc nâng cao ý thức bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa truyền thống Việt Nam không phải chuyện một sớm một chiều mà nó là cả một quá trình nhận thức và hành động. Trước hết mỗi người chúng ta cần nâng cao nhận thức về ý nghĩa của giáo dục di sản để có những giải pháp hợp lý. Các hoạt động giáo dục di sản văn hóa rất phù hợp với tâm lý lứa tuổi các em học sinh là ham tìm tòi, khám phá, trải nghiệm; giảm thiểu sự hàn lâm hóa kiến thức trong dạy học. Chính việc giáo dục di sản sẽ làm tăng thêm vốn hiểu biết của học sinh về văn hóa, xã hội, bồi đắp thêm lòng yêu quê hương đất nước, niềm tự hào về truyền thống của dân tộc. Cũng thông qua giáo dục di sản, sẽ huy động mọi lực lượng trong xã hội cùng tham gia vào bảo vệ và phát huy giá trị các di sản văn hóa.

Hằng năm, ngành giáo dục và đào tạo nên lên kế hoạch xây dựng các chương trình tìm hiểu, học tập về di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, liên kết với ban quản lý các di tích lịch sử, văn hóa, các làng nghề truyền thống để đưa học sinh đến học tập. Chỉ đạo các trường học có kế hoạch cụ thể về việc lồng ghép trong các tiết dạy với các nội dung liên quan đến di sản, di tích lịch sử, văn hóa. Cả xã hội cùng quan tâm để có sự phối hợp giữa nhà trường phụ huynh và chính quyền địa phương góp phần vào giáo dục thế hệ trẻ trong việc nâng cao ý thức bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa.

Do khả năng trình bày còn hạn chế chắc chắn bài viết này còn nhiều thiếu sót. Rất mong Hội đồng giám khảo và Quý đồng nghiệp chân thành đóng góp ý kiến để tôi hoàn thiện thành một đề tài đầy đủ và có ý nghĩa hơn.

Sau khi hoàn thiện đề tài, tôi và các đồng nghiệp trong nhóm chuyên môn đã áp dụng tại trường THPT Xuân Trường B đem lại kết quả rất cao. Từ đó cho thấy

sáng kiến có khả năng được áp dụng vào giảng dạy bộ môn Lịch sử tại các trường THPT trong Tỉnh Ninh Bình và có thể được áp dụng tại các trường THPT khác. Trên đây là một số minh chứng của tôi thông qua việc **“Lồng ghép di sản văn hóa Việt được Unesco ghi danh để nâng cao chất lượng giảng dạy lịch sử 10** chúng tôi thấy sáng kiến mang lại nhiều ưu điểm cho các giáo viên và học sinh trong quá trình dạy và học.

- Đối với giáo viên

Đề tài đã cung cấp cho các đồng nghiệp những nguồn tài liệu vô cùng quý giá về các loại hình di sản được UNESCO công nhận và chỉ rõ những mối liên hệ giữa các bài, các mục của lịch sử lớp 10 với di sản. Từ đây trong quá trình giảng dạy, giáo viên có thể khai thác và sử dụng nó một cách chủ động, sáng tạo vào một số bài học trong chương trình lịch sử lớp 10, qua đó làm cho bài dạy trở nên phong phú và sinh động hơn, giúp các giáo viên đổi mới phương pháp, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ giảng dạy của mình.

- Qua đó giúp giáo viên chủ động hơn trong việc tổ chức học sinh tham gia các hoạt động trải nghiệm sáng tạo và đúc rút được nhiều kinh nghiệm trong quá trình tổ chức hoạt động này để giáo dục toàn diện năng lực và phẩm chất người học.

- Qua đề tài này, có nhiều giáo viên đã chủ động sưu tầm tài liệu, tranh ảnh, băng đĩa về các di sản có liên quan đến bài học để phục vụ cho tổ chức các hoạt động của học sinh. Nhiều giáo viên còn xây dựng hệ thống tư liệu về di sản cho chủ đề dạy học nhằm hỗ trợ hoạt động tìm tòi, khám phá của học sinh...

+ Sẽ có tác dụng giảm tải thời gian giảng bài trên lớp các thầy cô sẽ thấy tiết học của mình không những sinh động, hấp dẫn, lôi cuốn mà còn trở nên nhẹ nhàng về kiến thức trong mỗi tiết học.

+ Khi học sinh hứng thú thầy cô sẽ cảm thấy rất vui vì mình đã có vai trò to lớn trong việc truyền lửa và niềm đam mê lịch sử cho các em.

+ Thầy cô sẽ thấy được việc **“Lồng ghép di sản văn hóa Việt được Unesco ghi danh để nâng cao chất lượng giảng dạy lịch sử 10** “ có mối liên hệ hữu cơ giữa các lĩnh vực của đời sống xã hội, hiểu được tính toàn diện của lịch sử để nâng cao chất lượng bài học của mình.

- Đối với học sinh

- Giáo dục ý thức bảo tồn và phát huy các di sản, giúp các em học sinh hiểu biết cụ thể hơn về các loại hình DS.

- Góp phần hình thành nhân cách và trí tuệ cho học sinh, đặc biệt giúp học sinh có cái nhìn đúng đắn hơn về những giá trị DS, hình thành và nâng cao ý thức trân trọng, giữ gìn và bảo vệ những giá trị DS truyền thống vô cùng quý báu của cha ông ta để lại.

- Đặc biệt với hoạt động ngoại khóa đã có tác dụng rất lớn trong việc rèn luyện kỹ năng tự học, tự tìm tòi, nghiên cứu, khám phá của HS.

- Đối với học sinh, dạy học thông qua di sản đã giúp các em phát triển kỹ năng học tập, tự chiếm lĩnh kiến thức, kích thích hứng thú nhận thức, phát triển trí tuệ và nhân cách của học sinh. Bên cạnh đó, dạy học thông qua di sản còn góp phần phát triển một số kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lắng nghe tích cực, kỹ năng trình bày suy nghĩ ý tưởng, kỹ năng hợp tác, kỹ năng đảm nhận trách nhiệm, kỹ năng đặt mục tiêu, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin.

+ Giúp các em có cái nhìn trực diện, đánh giá đúng các sự kiện lịch sử ngoài ra còn giúp các em nhận thức được việc bảo tồn các di sản văn hóa của đất nước.

+ Thông qua việc **“Lồng ghép di sản văn hóa Việt được Unesco ghi danh để nâng cao chất lượng giảng dạy lịch sử 10”** vào bài giảng lịch sử sẽ góp phần giúp các em định hướng được nghề nghiệp trong tương lai như hướng dẫn viên du lịch như nghề báo phóng viên...khơi dậy tình yêu quê hương đất nước từ đó thúc đẩy các em cố gắng học tập tốt để thực hiện mơ ước, hoài bão và khát vọng chính đáng của mình.

+ Việc **“ Lồng ghép di sản văn hóa Việt được Unesco ghi danh để nâng cao chất lượng giảng dạy lịch sử 10 ”** trong môn học cũng giúp các em có tính chủ động, độc lập, sáng tạo, xây dựng được các dự án để chuẩn bị tốt cho các tiết học trên lớp.

+Tiết học của các em sẽ trở nên hấp dẫn sinh động hơn từ đó tạo ra một lớp học chủ động, thân thiện, tích cực và đặc biệt tràn đầy cảm xúc (vui buồn hân hoan, trầm lắng, tự hào khi nghe các dòng nhạc (di sản văn hóa phi vật thể) và ngắm cảnh thiên nhiên mà tạo hóa ban tặng.

+ Ngoài ra còn góp phần xây dựng, bồi đắp, nuôi dưỡng nên những trái tim nhân văn, nhân ái, yêu nước từ đó tạo ra những con người hoàn thiện cả về nhân cách lối sống, đạo đức, hình thành những phẩm chất tốt đẹp cùng tri thức để tạo nên những thế hệ trẻ đủ *“nhân, nghĩa, lễ, trí, tín”* và tài đức công hiến cho xã hội.

Như vậy việc “ **Lồng ghép di sản văn hóa Việt được Unesco ghi danh để nâng cao chất lượng giảng dạy lịch sử 10**” đã mang lại nhiều hiệu quả tích cực cho cả thầy và trò. Trong năm học vừa qua tôi đã tích cực thực hiện phương pháp lồng ghép đáp ứng được phương châm trong giáo dục “*Mỗi thầy giáo, cô giáo là tấm gương tự học và sáng tạo*”

Vai trò, ý nghĩa và tầm quan trọng của sáng kiến : Sáng kiến "**Lồng ghép di sản văn hóa Việt Nam được UNESCO ghi danh để nâng cao chất lượng giảng dạy Lịch sử 10**" mang lại ý nghĩa thiết thực trong công cuộc đổi mới giáo dục hiện nay:

Về mặt sư phạm : Sáng kiến đã chuyển hóa những nội dung lý thuyết về di sản thành những trải nghiệm thị giác và cảm xúc sống động. Điều này giúp học sinh không chỉ nắm vững kiến thức mà còn hình thành năng lực tự chủ, năng lực thẩm mỹ và tư duy lịch sử sắc bén.

Về mặt thực tiễn : Việc ứng dụng công nghệ số và phương pháp dạy học tích cực đã giải quyết triệt để tình trạng học tập thụ động. Sáng kiến chứng minh rằng môn Lịch sử có thể trở nên hấp dẫn, gần gũi và đầy hơi thở thời đại nếu người giáo viên biết cách kết nối quá khứ với các giá trị đương đại.

Về mặt giáo dục phẩm chất : Đây là nhịp cầu nuôi dưỡng lòng tự tự tôn dân tộc, giúp học sinh ý thức được vị thế của văn hóa Việt Nam trên bản đồ thế giới, từ đó hình thành trách nhiệm cá nhân trong việc bảo tồn và phát huy di sản bền vững.

5.5. Những bài học kinh nghiệm . Từ quá trình nghiên cứu và áp dụng sáng kiến vào thực tế giảng dạy, tôi đã rút ra được những bài học kinh nghiệm quý báu :

Sự linh hoạt trong thiết kế bài giảng : Giáo viên cần chủ động lựa chọn di sản phù hợp với từng đơn vị kiến thức trong bộ sách **Cánh Diều**, tránh việc lồng ghép quá tải gây phân tâm cho học sinh .

Năng lực số của giáo viên : Việc làm chủ công nghệ (QR Code, Virtual Tour, các công cụ thiết kế đồ họa cơ bản) là chìa khóa để tạo ra những học liệu hấp dẫn, chuyên nghiệp.

Vai trò định hướng của người thầy: Trong các hoạt động nhóm hoặc đóng vai, giáo viên đóng vai trò là người dẫn dắt, khơi gợi để học sinh tự tìm ra giá trị của di sản thay vì áp đặt các nhận định có sẵn.

- Phải tìm hiểu, nghiên cứu kỹ về các di sản; nghiên cứu chương trình, sách giáo khoa, tài liệu dạy học bộ môn từ đó xây dựng các tiết học cho phù hợp

- Muốn khai thác và sử dụng tốt các DS giáo viên phải căn cứ vào điều kiện của từng trường và địa phương mình để có phương pháp khai thác và sử dụng thích hợp. Đồng thời, GV phải nắm vững yêu cầu, hình thức và phương pháp tiến hành, sử dụng tư liệu về các DS một cách linh hoạt trong quá trình dạy học. Song vẫn phải tuân thủ những nguyên tắc chung của lý luận dạy học và yêu cầu của việc sử dụng phương tiện trực quan trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông.

Hiệu quả của việc sử dụng DS vào dạy học lịch sử hoàn toàn phụ thuộc vào năng lực tổ chức, phương pháp thực hiện của GV. Vì vậy đòi hỏi người GV phải có niềm say mê nghề nghiệp, tâm huyết với học trò, có tinh thần học hỏi nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, có cách thức tổ chức và phương pháp dạy học hợp lý trong dạy học bài nội khóa lẫn ngoại khóa

3. Danh sách những người đã tham gia áp dụng thử hoặc áp dụng sáng kiến lần đầu

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi công tác	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Nội dung công việc hỗ trợ
1	Trần Ngọc Duy	1984	THPT Xuân Trường B	Giáo viên	Cử nhân Sư phạm Lịch sử	Hỗ trợ kỹ thuật và công nghệ
2	Vũ Thị Ngoan	1986	THPT Xuân Trường B	Giáo viên	Cử nhân Sư phạm Lịch sử	Hỗ trợ kỹ thuật và công nghệ

VI. KẾT LUẬN

Kiến nghị, đề xuất

+ Đối với các cấp quản lý giáo dục

- Trang bị hệ thống cơ sở vật chất như máy chiếu, máy tính, Ti vi, kết nối mạng Internet...

- Mua sắm các trang thiết bị, đồ dùng dạy học tối thiểu theo thông tư 13 của Bộ giáo dục.

- Ban giám hiệu của các trường THPT cần tạo điều kiện thuận lợi về mặt vật chất và thời gian để giáo viên bộ môn lịch sử phát huy hết năng lực chuyên môn. Giáo viên lịch sử là những người tham gia cổ vấn các kế hoạch hoạt động của trường trong các ngày lễ lớn của lịch sử dân tộc. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để HS có dịp tham quan, trải nghiệm sáng tạo học tập các di sản.

+ Đối với giáo viên

- Tăng cường sinh hoạt nhóm chuyên môn trường, liên trường để trao đổi, học hỏi kinh nghiệm trong việc đổi mới phương pháp, kỹ thuật tổ chức dạy học theo hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.

- Tổ chức các tiết dự giờ để giáo viên có cơ hội tiếp thu, trao đổi chuyên môn, rút kinh nghiệm.

- Giáo viên cần nâng cao công tác tự học, tự nghiên cứu, không ngại khó, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động dạy học. Cần đa dạng hoá các hình thức tổ chức dạy học. Mạnh dạn xây dựng các kế hoạch trải nghiệm sáng tạo, tham quan đề xuất, tham mưu với nhà trường những hình thức tổ chức dạy học mới.

Hy vọng với đề tài sáng kiến kinh nghiệm này của tôi sẽ phần nào giúp các đồng nghiệp trong giảng dạy bộ môn lịch sử có hiệu quả cao. Sáng kiến kinh nghiệm này cũng là dịp để tôi tổng kết hoạt động thực tiễn, rút kinh nghiệm trong thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới. Rất mong được sự góp ý của hội đồng khoa học xét duyệt và của bạn đọc để tôi làm tốt hơn trong công tác chuyên môn của mình.

- Hướng phát triển của sáng kiến:

+ Tiếp tục nghiên cứu, lựa chọn các di tích lịch sử phù hợp để áp dụng vào giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng bài giảng trong các giai đoạn khác của môn Lịch sử 10.

+ Sử dụng việc “ **Lồng ghép di sản văn hóa Việt được Unesco ghi danh để nâng cao chất lượng giảng dạy lịch sử 10**” sẽ hiệu quả nếu quá trình áp dụng thầy cô đánh giá được điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị của nhà trường.

+ Sử dụng việc “ **Lồng ghép di sản văn hóa Việt được Unesco ghi danh để nâng cao chất lượng giảng dạy lịch sử 10**” cũng sẽ là cơ sở tham khảo tốt để làm tư liệu, kinh nghiệm trong giảng dạy Lịch sử 10 cho thầy cô, học sinh và những ai quan tâm.

+ Nhân rộng phạm vi áp dụng sáng kiến ra các đơn vị bạn và nghiên cứu áp dụng cho Chương trình Lịch sử 2025-2026.

Với sáng kiến trên tôi hy vọng sẽ đóng góp một phần vào sự nghiệp giáo dục của xã hội, với công cuộc đổi mới căn bản toàn diện giáo dục của đất nước. Tôi hy vọng không những đóng góp cho các em, đồng nghiệp và xã hội một ý tưởng hay trong việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện các em học sinh trong giai đoạn hiện nay mà còn mong muốn thông qua sáng kiến phần nào thổi luồng sinh khí tốt đẹp vào chính bản thân mình, cùng bạn bè đồng nghiệp trong trường một tấm gương tự tìm tòi nghiên cứu và sáng tạo.

Sáng kiến của tôi đã được kiểm nghiệm trong năm học 2024 – 2025 và từng bước lan toả rộng rãi ở cả 3 khối tại Trường THPT Xuân Trường B. Trong các tiết học lịch sử các em rất sôi nổi hào hứng, chất lượng các bài kiểm tra định kì, thi cuối năm đều đạt chất lượng tốt. Những gì tôi đã đạt được trên đây cũng là một trong những yếu tố tích cực mà hiệu quả của việc áp dụng sáng kiến đem lại.

Do tài liệu nghiên cứu của đề tài này không có nhiều và thời gian có hạn nên chắc hẳn sáng kiến không tránh khỏi những tồn tại, thiếu sót. Tôi rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy giáo, cô giáo và các bạn bè đồng nghiệp trong toàn tỉnh để sáng kiến của tôi được hoàn thiện và lan toả ra cộng đồng giáo dục cả nước.

CAM KẾT KHÔNG SAO CHÉP HOẶC VI PHẠM BẢN QUYỀN

Tôi xin cam kết nội dung sáng kiến là tự biên soạn. Kết quả nghiên cứu của sáng kiến là của riêng tôi, không sao chép, không vi phạm bản quyền. Nếu vi phạm tôi xin chịu mọi hình thức kỷ luật.

Xin chân thành cảm ơn!

CƠ QUAN ĐƠN VỊ ÁP DỤNG SÁNG KIẾN

(Xác nhận)

.....

(Ký tên, đóng dấu)

TÁC GIẢ SÁNG KIẾN

(Ký tên)

Vũ Thị Diễm

MỤC LỤC	TRANG
I/THÔNG TIN CHUNG VỀ SÁNG KIẾN	2
II/. PHẦN MỞ ĐẦU	3
1 Lý do chọn đề tài	3
2. Bối cảnh chọn đề tài	4
III.Nội dung đề tài	7
1. Mô tả giải pháp đã biết	6
2. Nội dung các giải pháp	8
3. Danh sách những người đã tham gia áp dụng sáng kiến	61
IV.Kết luận	61

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2013. Tài liệu tập huấn: Sử dụng di sản trong dạy học ở trường phổ thông. Hà Nội. (Lưu hành nội bộ).
2. Dương Quỳnh Phương, 2018. Giáo dục giá trị của các di sản ở khu vực Đông Bắc Việt Nam cho học sinh trung học phổ thông thông qua dạy học các chủ đề thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn.
3. Dương Quỳnh Phương và Đỗ Văn Hảo, 2019. Di sản và vấn đề giáo dục di sản cho học sinh trung học phổ thông. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. Tập 55(Số chuyên đề: Khoa học Giáo dục)
4. Phan Ngọc Liên, Trịnh Đình Tung, Nguyễn Thị Côi: Phương pháp dạy học lịch sử. NXB đại học sư phạm 2002
5. Tài liệu hướng dẫn giáo dục về di sản văn hóa phi vật thể trong trường phổ thông hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững. NXB Văn hóa dân tộc 2020
6. Bộ giáo dục và đào tạo – Kỷ yếu hội thảo:Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh phổ thông (2014)
6. SGK, SGV, (Bộ Sách Cánh diều)
7. Các nguồn tư liệu trên Interenet.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), Chương trình Giáo dục phổ thông 2018: Môn Lịch sử, NXB Giáo dục Việt Nam.
9. Hà Bích Liên và Nguyễn Thị Thế Bình (2022), Lịch sử 10 (Bộ sách Cánh Diều), NXB Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.
10. Phan Ngọc và cộng sự (2018). Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa. Tạp chí Khoa học Giáo dục, trang 12, 15-22.
11. Trần Văn D (2023). Chuyển đổi số trong dạy học Lịch sử ở trường phổ thông đáp ứng chương trình GDPT 2018. Đại học Sư phạm Hà Nội.
12. UNESCO, Di sản thế giới tại Việt Nam: Địa chỉ liên kết: [<https://whc.unesco.org/en/statesparties/vn>] (<https://whc.unesco.org/en/statesparties/vn>).
13. Cục Di sản văn hóa (2024), Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia và quốc tế. Địa chỉ liên kết: <http://disanvanhoa.gov.vn>

DANH MỤC CÁC KÍ HIỆU, CÁC CHỮ VIẾT TẮT TRONG SÁNG KIẾN

Viết tắt	Viết đầy đủ
CT	Chỉ thị
HS	Học sinh
GV	Giáo viên
SGK	Sách giáo khoa
THPT	Trung học phổ thông
DS	Di sản
DSVH	Di sản văn hóa
DSVHVT	Di sản văn hóa vật thể
DSVHPVT	Di sản văn hóa phi vật thể
DH	Dạy học
CLB	Câu lạc bộ
PTBV	Phát triển bền vững